

Số: 41/KH-THNM2

Châu Thành, ngày 29 tháng 8 năm 2024

## KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG Năm học 2024 - 2025

### I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ Trường tiểu học;

Hướng dẫn số 2345/BGDĐT-GDTH, ngày 07 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học;

Hướng dẫn số 83/HD-SGDĐT ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Sở GDĐT về việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn cấp tiểu học tỉnh Đồng Tháp năm học 2024 -2025;

Hướng dẫn số 88/HD-SGDĐT ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc Hướng dẫn thực hiện kế hoạch thời gian năm học 2024 -2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông (GDPT) và giáo dục thường xuyên (GDTX).

Thực hiện Hướng dẫn số 02/HD-PGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Châu Thành về việc hướng dẫn Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn cấp tiểu học huyện Châu Thành năm học 2024- 2025;

Căn cứ thực hiện nhiệm vụ năm học và tình hình thực tiễn của đơn vị, Trường Tiểu học Nha Mân 2 xây dựng Kế hoạch giáo dục năm học 2024-2025 như sau:

### II. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC 2024 - 2025

#### 1. Đặc điểm tình hình, thuận lợi, khó khăn

##### a. Điểm mạnh

- Tập thể luôn đoàn kết cùng nhau thực hiện mục tiêu chung của nhà trường. Luôn quan tâm nhau và giúp đỡ nhau trong những lúc khó khăn. Lãnh đạo nhà trường luôn là trung tâm đoàn kết cho tất cả cán bộ giáo viên, nhân viên và người lao động.

- Đội ngũ giáo viên nhiệt tình công tác, có trình độ chuyên môn đạt chuẩn theo quy định, có nhiều giáo viên đạt danh hiệu giáo viên giỏi các cấp.

- Nguồn kinh phí được tự chủ đảm bảo khá tốt hoạt động của nhà trường.
- Điều kiện cơ sở vật chất đảm bảo dạy 2 buổi/ngày 100%, mỗi lớp 1 phòng. Đảm bảo các thiết bị dạy học tối thiểu.
- Kết quả năm học 2023 – 2024: Cuối năm học sinh lên lớp là 968/970 học sinh, tỉ lệ 99,79%. Hoàn thành chương trình tiểu học 196/196, tỉ lệ 100%. Hiệu quả đào tạo sau 5 năm đạt tỉ lệ: 99,5%; Khen thưởng: 462 học sinh. Trong năm học nhiều phong trào của giáo viên và học sinh đạt kết quả cao.

### ***b. Điểm yếu***

- Trường có điểm phụ, địa bàn quản lí rộng, khó khăn trong việc dự giờ, thăm lớp, sinh hoạt chuyên môn của các tổ. Từ điểm chính cách điểm phụ (gần 4 km) nên việc quản lí công tác thu chi đầu năm, thu chi công tác bán trú, 2 buổi cũng khó khăn cho tổ tài vụ. Việc quản lí thiết bị dạy học và tổ chức cho GV và HS cùng tham gia đọc sách thư viện cũng là một khó khăn không nhỏ.
- Một số giáo viên còn thiếu kinh nghiệm trong giảng dạy nên việc đổi mới phương pháp dạy còn chậm, thiếu tính năng động sáng tạo, ngại đổi mới nên việc thực hiện chuyển đổi số trong đơn vị cũng gặp khó khăn.

### ***c. Thời cơ***

- Được sự quan tâm sâu sắc của lãnh đạo ngành, lãnh đạo địa phương cũng như các ban ngành đoàn thể trong xã tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động của nhà trường.
- Cha mẹ học sinh phối hợp tốt với nhà trường trong việc huy động, duy trì sĩ số học sinh, cùng nhà trường giáo dục, đánh giá các em,...
- Được tiếp cận, triển khai thực hiện chương trình GDPT 2018 kịp thời, trường đảm bảo đủ phòng học và cơ sở vật chất thực hiện. Phụ huynh học sinh nắm rõ việc thực hiện chương trình trong từng giai đoạn.
- Được giao quyền tự chủ, linh động trong việc thực hiện chương trình, nội dung giáo dục.

### ***d. Thách thức***

- Nhu cầu học tập của Cha mẹ học sinh cho con em mình ngày càng cao; yêu cầu học Tiếng Anh, Tin học, sinh hoạt Câu lạc bộ, các hoạt động giáo dục,... cho học sinh đòi hỏi nhà trường phải tổ chức dạy từ lớp Một, bố trí lịch học, sinh hoạt một cách linh động theo tình hình.
- Nhà trường được giao quyền tự chủ về tài chính nhưng chưa được tự chủ về nhân sự.
- Năng lực chuyên môn của một số giáo viên theo yêu cầu đổi mới còn chậm.
- Nhà trường phải tự chủ trong việc thực hiện chương trình một cách linh hoạt theo tình hình cụ thể trên khung chương trình chung của Bộ Giáo dục.

## 2. Đặc điểm, tình hình nhà trường năm học 2024 – 2025

### 2.1. Đặc điểm học sinh của trường

#### a) Số liệu

| Khối lớp    | Số lớp    | Học sinh   |            | Tỉ lệ HS/lớp | Số HS khuyết tật | Hộ nghèo, cận nghèo; GD chính sách | HS học 2 buổi/ngày | HS bán trú |
|-------------|-----------|------------|------------|--------------|------------------|------------------------------------|--------------------|------------|
|             |           | Tổng số    | Nữ         |              |                  |                                    |                    |            |
| Một         | 6         | 209        | 103        | 34,8         | 01               | 1CN                                | 209                | 166        |
| Hai         | 6         | 188        | 106        | 31,3         | 01               |                                    | 188                | 131        |
| Ba          | 6         | 199        | 105        | 33,2         |                  | 1N                                 | 199                | 124        |
| Bốn         | 6         | 189        | 82         | 31,5         |                  |                                    | 189                | 128        |
| Năm         | 6         | 199        | 90         | 33,2         |                  | 1N, 1CN                            | 199                | 124        |
| <b>Cộng</b> | <b>30</b> | <b>984</b> | <b>486</b> | <b>32,8</b>  | <b>02</b>        | <b>4</b>                           | <b>984</b>         | <b>673</b> |

#### b) Nhận xét

Tổng số học sinh đầu năm học 2024-2025 là 984/486 nữ, học sinh nữ chiếm 49,4%, toàn trường tăng 14 học sinh so với năm học 2023-2024. Số học sinh đúng độ tuổi khối 1 là 201/209 đạt 96,17%; khối 2 184/188 đạt 97,87%; khối 3 181/199 đạt 90,95%; khối 4 là 178/189 đạt 94,17%; khối 5 là 195/199 đạt 97,98%. Số học sinh đúng độ tuổi toàn trường là 939/984 học sinh, đạt tỉ lệ 95,42% số học sinh toàn trường. Học sinh có năng khiếu là 219 em, học sinh còn hạn chế một số năng lực là 95 em.

### 2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên (GV), nhân viên (NV), cán bộ quản lý (CBQL)

#### a) Số liệu

| TT          | Đội ngũ       | Tổng số   | Nữ        | Trình độ đào tạo |          |           |              |          |             |          |             |
|-------------|---------------|-----------|-----------|------------------|----------|-----------|--------------|----------|-------------|----------|-------------|
|             |               |           |           | Thạc sỹ          |          | Đại học   |              | Cao đẳng |             | Dưới CĐ  |             |
|             |               |           |           | SL               | TL       | SL        | TL           | SL       | TL          | SL       | TL          |
| 1           | CBQL          | 2         | 2         |                  |          | 2         | 100%         |          |             |          |             |
| 2           | GV tiểu học   | 31        | 23        |                  |          | 31        | 100%         |          |             |          |             |
| 3           | GV dạy chuyên | 12        | 8         |                  |          | 12        | 100%         |          |             |          |             |
| 4           | GV TPT Đội    | 1         | 1         |                  |          | 1         | 100%         |          |             |          |             |
| 5           | Nhân viên     | 7         | 3         |                  |          | 2         | 28,6%        | 2        | 28,6%       | 3        | 42,8%       |
| <b>Cộng</b> |               | <b>53</b> | <b>37</b> | <b>0</b>         | <b>0</b> | <b>48</b> | <b>90,6%</b> | <b>2</b> | <b>3,8%</b> | <b>3</b> | <b>5,6%</b> |

Tỉ lệ giáo viên/lớp: 1, 46 giáo viên/ 1 lớp

#### b) Nhận xét

Trường Tiểu học Nha Môn 2 có đủ số lượng GV, NV nhưng còn thiếu 01 CBQL (Hiệu trưởng) theo quy định tại Điều lệ Trường tiểu học. Đội ngũ CBQL của nhà trường có 02 người, 02 Phó Hiệu trưởng. 02 Phó Hiệu trưởng có bằng Đại học chuyên ngành Giáo dục tiểu học, đã học xong lớp cán bộ quản lý, 01 Phó Hiệu

trưởng đã học Trung cấp lý luận Chính trị - Hành chính. Hàng năm, CBQL đều được lãnh đạo Phòng GDĐT và tập thể nhà trường đánh giá đạt chuẩn. Đội ngũ giáo viên, nhân viên đa số nhiệt tình, năng nổ trong công tác; trình độ chuyên môn đều đạt chuẩn và trên chuẩn. Trong đó, tỉ lệ đạt chuẩn 100%. Giáo viên, nhân viên đều được đánh giá chuẩn nghề nghiệp và 100% xếp loại từ Khá trở lên; xếp loại chuyên môn từ khá trở lên. Tất cả cán bộ giáo viên, nhân viên đều được bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ theo quy định, có trách nhiệm cao trong công tác, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. GV có tay nghề vững vàng, tích cực học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Tỉ lệ giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp huyện là 37/44 giáo viên, trong đó có 9 giáo viên đạt giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh.

Trường có đầy đủ các giáo viên chuyên được đào tạo chính quy để giảng dạy các môn Âm nhạc, Mỹ thuật, Tiếng Anh, Giáo dục thể chất, Tin học thuận lợi cho việc bố trí dạy học các môn học một cách chủ động và hiệu quả. Độ tuổi trung bình của giáo viên là 40 tuổi, người cao tuổi nhất là 58 tuổi, người thấp tuổi nhất là 25 tuổi. Đa số giáo viên nhiệt tình, năng động trong công việc.

### **2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; điểm trường, lớp ghép; cơ sở vật chất thực hiện bán trú, nội trú**

#### a) Số liệu

##### - Cơ sở vật chất

| TT | Điểm trường      | Số phòng  |              | Số lớp    |          | Số HS | Số lớp 2 buổi/ngày | Số lớp bán trú |
|----|------------------|-----------|--------------|-----------|----------|-------|--------------------|----------------|
|    |                  | P. học    | P. chức năng | Lớp đơn   | Lớp ghép |       |                    |                |
| 1  | Điểm chính       | 15        | 8            | 15        | 0        |       | 15                 | 11             |
| 2  | Điểm Tân Bình    | 15        | 2            | 15        | 0        |       | 15                 | 10             |
|    |                  |           |              |           |          |       |                    |                |
|    | <b>Tổng cộng</b> | <b>30</b> | <b>10</b>    | <b>30</b> | <b>0</b> |       | <b>30</b>          | <b>21</b>      |

##### - Thiết bị dạy học

| TT | Thiết bị dạy học (môn/khối lớp) | SL hiện có | Đủ | Thiếu | Ghi chú |
|----|---------------------------------|------------|----|-------|---------|
| 1  | Khối lớp 1                      | 6          | x  |       |         |
| 2  | Khối lớp 2                      | 6          | x  |       |         |
| 3  | Khối lớp 3                      | 0          |    | x     |         |
| 4  | Khối lớp 4                      | 0          |    | x     |         |
| 5  | Khối lớp 5                      | 0          |    | x     |         |
| 6  | Ti vi màn hình lớn              | 34         |    |       |         |
| 7  | Máy tính dạy Tin học            | 32         |    | x     |         |
| 8  | Màn hình tương tác P. Anh văn   | 3          | x  |       |         |
| 9  | Máy chiếu                       | 2          | x  |       |         |
| 10 | Máy soi vật thể                 | 1          |    | 1     |         |

## b) Nhận xét

Đơn vị có 02 điểm trường, Trường Tiểu học Nha Môn 2 đóng trên địa bàn Ấp Tân Lập, gần chợ Nha Môn và khu dân cư xã Tân Nhuận Đông; Điểm Tân Bình đóng trên địa bàn ấp Tân Bình, cách điểm chính gần 4 km. Nhà trường có 30 phòng học đảm bảo 100% học sinh học 2 buổi/ngày. Có 21 lớp bán trú với tổng số học sinh bán trú là 673 em.

Đơn vị có 1 phòng thư viện, 2 phòng thiết bị. Số phòng chức năng của đơn vị đáp ứng đủ nhu cầu dạy và học, hiện đơn vị chỉ có 3 phòng học Tiếng Anh, 2 phòng dạy học Tin học với 32 bộ máy tính..., hệ thống máy tính được kết nối Internet để truy cập thông tin và phục vụ giảng dạy, có 01 phòng Âm nhạc, 01 phòng Mĩ thuật, 01 phòng Công nghệ, 02 phòng đa năng. Tuy nhiên, trường chưa có nhà đa năng mà dùng chung với Trung tâm học tập cộng đồng xã Tân Nhuận Đông.

Số thiết bị của nhà trường cơ bản đủ cho mỗi lớp của khối 1 và khối 2 có 1 bộ thiết bị dùng chung, tuy nhiên các bộ đồ dùng, thiết bị dạy học ở các khối lớp 3, 4, 5 chưa được cấp mới theo danh mục thiết bị sử dụng trong chương trình GDPT 2018. Tất cả giáo viên đều khai thác, sử dụng đồ dùng, thiết bị dạy học sẵn có và quan tâm tự làm các thiết bị phục vụ tốt cho công tác giảng dạy. Đặc biệt mỗi phòng học nhà trường đều có lắp đặt 1 ti vi màn hình lớn cho giáo viên khai thác tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Có 2 nhà ăn phục vụ cho việc tổ chức bán trú cho học sinh ở 2 điểm trường: điểm Tân Lập và điểm Tân Bình.

#### 2.4. Sách giáo khoa và tài liệu tham khảo sử dụng tại trường

##### LỚP 1

| STT | MÔN                | NHÓM TÁC GIẢ  | BỘ SÁCH            | NHÀ XUẤT BẢN                   |
|-----|--------------------|---|--------------------|--------------------------------|
| 1   | Tiếng Việt Tập một | Bùi Mạnh Hùng ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Nguyễn Thị Ly Kha ( <i>Chủ biên</i> ), Nguyễn Lương Hải Như, Phạm Thị Kim Oanh, Vũ Minh Tâm, Nguyễn Xuân Tùng.          | Chân trời sáng tạo | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |
|     | Tiếng Việt Tập hai | Bùi Mạnh Hùng ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Nguyễn Thị Ly Kha ( <i>Chủ biên</i> ), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Phạm Vĩnh Lộc, Nguyễn Lương Hải Như, Nguyễn Thị Xuân Yến. | Chân trời sáng tạo | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |
| 2   | Toán               | Trần Nam Dũng ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Khúc Thành Chính ( <i>Chủ biên</i> ), Đinh Thị Xuân Dung, Nguyễn Kính Đức, Đinh Thị Kim Lan, Huỳnh Thị Kim              | Chân trời sáng tạo | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |

|   |                       |   |                    |                                |
|---|-----------------------|---|--------------------|--------------------------------|
|   |                       | Trang.  |                    |                                |
| 3 | Đạo đức               | Đình Phương Duy ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Trần Thanh Bình ( <i>Chủ biên</i> ), Trần Minh Hương, Lê Phương Trí, Trần Hoàng Túy.  | Chân trời sáng tạo | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |
| 4 | Tự nhiên và Xã hội    | Đỗ Xuân Hội ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Nguyễn Thị Thu Hằng ( <i>Chủ biên</i> ), Phạm Phương Anh, Lưu Phương Thanh Bình, Trần Thị Thu Hiền, Lý Khánh Hoa, Mai Thị Kim Phượng. | Chân trời sáng tạo | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |
| 5 | Giáo dục thể chất     | Phạm Thị Lê Hằng ( <i>Chủ biên</i> ), Bùi Ngọc Bích, Trần Thanh Dũng, Lê Hải, Nguyễn Đình Phát, Nguyễn Hoàng Minh Thuận, Trần Minh Tuấn.                                    | Chân trời sáng tạo | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |
| 6 | Âm nhạc               | Hồ Ngọc Khải ( <i>Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên</i> ), Nguyễn Đăng Bửu, Trần Ngọc Hưng.   | Chân trời sáng tạo | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |
| 7 | Mĩ thuật              | Nguyễn Xuân Tiên ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Hoàng Minh Phúc ( <i>Chủ biên</i> ), Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Minh Thiên Hoàng, Nguyễn Hồng Ngọc, Lâm Yên Như.                    | Chân trời sáng tạo | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |
| 8 | Hoạt động trải nghiệm | Vũ Quang Tuyên ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Nguyễn Hữu Tâm ( <i>Chủ biên</i> ), Nguyễn Thị Hà Liên, Lê Phương Trí.   | Chân trời sáng tạo | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |
| 9 | Tiếng Anh             | Hoàng Văn Vân ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Nguyễn Quốc Tuấn ( <i>Chủ biên</i> ), Nguyễn Thị Lan Anh, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Nguyễn Bích Thủy, Lương Quỳnh Trang.                    |                    | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |

**LỚP 2**

| STT | MÔN                | NHÓM TÁC GIẢ   | BỘ SÁCH            | NHÀ XUẤT BẢN                   |
|-----|--------------------|--|--------------------|--------------------------------|
| 1   | Tiếng Việt Tập một | Nguyễn Thị Ly Kha ( <i>Chủ biên</i> ), Nguyễn Thị Thu Huyền, Trịnh Cam Ly, Phạm Thị Kim Oanh, Bùi Thanh Truyền, Nguyễn Thị Xuân Yên. | Chân trời sáng tạo | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |
|     | Tiếng Việt Tập hai | Nguyễn Thị Ly Kha ( <i>Chủ biên</i> ), Nguyễn Thành Ngọc Bảo, Trịnh Cam Ly, Nguyễn Lương Hải Như, Phạm Thị                           | Chân trời sáng tạo | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |

|   |                       |   |                    |                                |
|---|-----------------------|---|--------------------|--------------------------------|
|   |                       | Kim Oanh, Bùi Thanh Truyền, Nguyễn Thị Xuân Yên.  |                    |                                |
| 2 | Toán Tập một          | Trần Nam Dũng ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Khúc Thành Chính ( <i>Chủ biên</i> ), Đinh Thị Xuân Dung, Nguyễn Kính Đức, Đinh Thị Kim Lan, Huỳnh Thị Kim Trang.   | Chân trời sáng tạo | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |
|   | Toán Tập hai          |   | Chân trời sáng tạo | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |
| 3 | Đạo đức               | Trần Thanh Bình, Đinh Phương Duy, Phạm Quỳnh ( <i>Đồng Chủ biên</i> ), Trần Thị Thùy Dung, Nguyễn Hà My, Lâm Hồng Lâm Thúy, Nguyễn Huyền Trang, Lê Phương Trí.  | Chân trời sáng tạo | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |
| 4 | Tự nhiên và Xã hội    | Đỗ Xuân Hội ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Nguyễn Thị Thu Hằng ( <i>Chủ biên</i> ), Lưu Phương Thanh Bình, Trần Thị Thu Hiền, Lý Khánh Hoa, Mai Thị Kim Phượng.  | Chân trời sáng tạo | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |
| 5 | Giáo dục thể chất     | Phạm Thị Lệ Hằng ( <i>Chủ biên</i> ), Bùi Ngọc Bích, Lê Hải, Nguyễn Đình Phát, Trần Minh Tuấn.  | Chân trời sáng tạo | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |
| 6 | Âm nhạc               | Hồ Ngọc Khải - Lê Anh Tuấn ( <i>Đồng Tổng Chủ biên</i> ), Đặng Châu Anh ( <i>Chủ biên</i> ), Lương Diệu Ánh, Nguyễn Đăng Bửu, Trần Ngọc Hưng, Nguyễn Mai Kiên, Hà Thị Thư, Trịnh Mai Trang, Tô Ngọc Tú, Lâm Đức Vinh.   | Chân trời sáng tạo | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |
| 7 | Mĩ thuật              | Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Xuân Tiên ( <i>Đồng Tổng Chủ biên</i> ), Nguyễn Tuấn Cường, Hoàng Minh Phúc ( <i>Đồng Chủ biên</i> ), Lương Thanh Khiết, Vũ Đức Long, Nguyễn Ánh Phương Nam, Lâm Yên Như, Phạm Văn Thuận, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân.  | Chân trời sáng tạo | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |
| 8 | Hoạt động trải nghiệm | Phó Đức Hòa, Vũ Quang Tuyên ( <i>Đồng Tổng Chủ biên</i> ), Bùi Ngọc Diệp, Nguyễn Hữu Tâm, Đinh Thị Kim Thoa ( <i>Đồng Chủ biên</i> ), Nguyễn Hồng Kiên, Nguyễn Thị Bích Liên, Nguyễn Thị Hà Liên, Vũ Phương Liên, Nguyễn Hà My, Lại Thị Yên Ngọc, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Huyền Trang, Trần Thị Quỳnh | Chân trời sáng tạo | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |

|   |           |  |  |                                |
|---|-----------|--|--|--------------------------------|
|   |           | Trang, Lê Phương Trí.  |  |                                |
| 9 | Tiếng Anh | Hoàng Văn Vân ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Lương Quỳnh Trang ( <i>Chủ biên</i> ), Nguyễn Thị Lan Anh, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Nguyễn Bích Thủy, Nguyễn Quốc Tuấn. |  | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |

**LỚP 3**

| STT | MÔN                | NHÓM TÁC GIẢ  | BỘ SÁCH            | NHÀ XUẤT BẢN                   |
|-----|--------------------|---|--------------------|--------------------------------|
| 1   | Tiếng Việt Tập một | Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cam Ly ( <i>Đồng Chủ biên</i> ), Trần Văn Chung, Phạm Thị Kim Oanh, Bùi Thanh Truyền.  | Chân trời sáng tạo | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |
|     | Tiếng Việt Tập hai | Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cam Ly ( <i>Đồng Chủ biên</i> ), Nguyễn Thị Thu Huyền, Phạm Kim Bích Loan, Phạm Thị Kim Oanh, Bùi Thanh Truyền.  | Chân trời sáng tạo | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |
| 2   | Toán Tập một       | Trần Nam Dũng ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Khúc Thành Chính ( <i>Chủ biên</i> ), Đinh Thị Xuân Dung, Nguyễn Kính Đức, Đinh Thị Kim Lan, Huỳnh Thị Kim Trang.                             | Chân trời sáng tạo | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |
|     | Toán Tập hai       | Trần Nam Dũng ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Khúc Thành Chính ( <i>Chủ biên</i> ), Đinh Thị Xuân Dung, Nguyễn Kính Đức, Đinh Thị Kim Lan, Huỳnh Thị Kim Trang.                             | Chân trời sáng tạo | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |
| 3   | Đạo đức            | Huỳnh Văn Sơn ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Mai Mỹ Hạnh, Phạm Quỳnh ( <i>Đồng Chủ biên</i> ), Lê Quỳnh Chi, Trần Thị Thùy Dung, Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Nguyễn Thị Vân Hương, Giang Thiên Vũ. | Chân trời sáng tạo | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |
| 4   | Tự nhiên và Xã hội | Đỗ Xuân Hội ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Nguyễn Thị Thu Hằng ( <i>Chủ biên</i> ), Lưu Phương Thanh Bình, Trần Thị Thu Hiền, Lý Khánh Hoa, Mai Thị Kim Phượng, Trần Thanh Sơn.            | Chân trời sáng tạo | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |
| 5   | Giáo dục thể chất  | Phạm Thị Lê Hằng ( <i>Chủ biên</i> ), Bùi Ngọc Bích, Lê Hải, Trần Minh Tuấn.  | Chân trời sáng tạo | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |
| 6   | Âm nhạc            | Hồ Ngọc Khải, Lê Anh Tuấn ( <i>Đồng Tổng Chủ biên</i> ), Đặng Châu Anh ( <i>Chủ biên</i> ), Nguyễn Đăng Bửu, Trịnh Mai Trang, Tô Ngọc Tú, Lâm Đức                                     | Chân trời sáng tạo | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |



|    |                       |  |                    |                                |
|----|-----------------------|--|--------------------|--------------------------------|
|    |                       | Vinh.  |                    |                                |
| 7  | Mĩ thuật              | Nguyễn Thị Nhung ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc ( <i>Đồng Chủ biên</i> ), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Võ Thị Nguyên, Phạm Văn Thuận.                        | Chân trời sáng tạo | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |
| 8  | Hoạt động trải nghiệm | Phó Đức Hoà, Vũ Quang Tuyên ( <i>Đồng Tổng Chủ biên</i> ), Bùi Ngọc Diệp, Nguyễn Hữu Tâm ( <i>Đồng Chủ biên</i> ), Nguyễn Hà My, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Huyền Trang.                                | Chân trời sáng tạo | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |
| 9  | Tin học               | Quách Tất Kiên ( <i>Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên</i> ), Phạm Thị Quỳnh Anh ( <i>Đồng Chủ biên</i> ), Đỗ Minh Hoàng Đức, Lê Tấn Hồng Hải, Trịnh Thanh Hải, Nguyễn Minh Thiên Hoàng, Nguyễn Thị Hồng Nhung. | Chân trời sáng tạo | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |
| 10 | Công nghệ             | Bùi Văn Hồng ( <i>Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên</i> ), Nguyễn Thị Lương, Lê Thị Mỹ Nga, Đoàn Thị Ngân.   | Chân trời sáng tạo | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |
| 11 | Tiếng Anh             | Hoàng Văn Vân ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Phan Hà ( <i>Chủ biên</i> ), Nguyễn Thị Hải Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Quốc Tuấn.  |                    | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |

**LỚP 4**

| STT | MÔN                | NHÓM TÁC GIẢ   | BỘ SÁCH            | NHÀ XUẤT BẢN                   |
|-----|--------------------|--|--------------------|--------------------------------|
| 1   | Tiếng Việt Tập một | Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cam Ly ( <i>đồng Chủ biên</i> ), Vũ Thị Ân, Trần Văn Chung, Phạm Thị Kim Oanh, Hoàng Thụy Thanh Tâm.  | Chân trời sáng tạo | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |
|     | Tiếng Việt Tập hai |  | Chân trời sáng tạo | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |
| 2   | Toán Tập một       | Trần Nam Dũng ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Khúc Thành Chính ( <i>Chủ biên</i> ), Đinh Thị Xuân Dung, Nguyễn Kính Đức, Đậu Thị Huệ, Đinh Thị Kim Lan, Huỳnh Thị Kim Trang. | Chân trời sáng tạo | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |
|     | Toán Tập hai       |  | Chân trời sáng tạo | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |

|    |                       |  |                    |                                |
|----|-----------------------|--|--------------------|--------------------------------|
| 3  | Đạo đức               | Huỳnh Văn Sơn ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Mai Mỹ Hạnh ( <i>Chủ biên</i> ), Trần Thanh Dur, Nguyễn Thanh Huân, Lâm Thị Kim Liên, Giang Thiên Vũ.  | Chân trời sáng tạo | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |
| 4  | Khoa học              | Đỗ Xuân Hội ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Nguyễn Thị Thanh Thủy ( <i>Chủ biên</i> ), Lưu Phương Thanh Bình, Trần Thanh Sơn.  | Chân trời sáng tạo | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |
| 5  | Lịch sử và Địa lí     | Nguyễn Trà My, Phạm Đỗ Văn Trung ( <i>đồng Chủ biên</i> ), Nguyễn Khánh Bằng, Trần Thị Ngọc Hân, Nguyễn Chí Tuấn.  | Chân trời sáng tạo | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |
| 6  | Giáo dục thể chất     | Phạm Thị Lệ Hằng ( <i>Chủ biên</i> ), Bùi Ngọc Bích, Lê Hải, Trần Minh Tuấn.   | Chân trời sáng tạo | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |
| 7  | Âm nhạc               | Hồ Ngọc Khải, Lê Anh Tuấn ( <i>đồng Tổng Chủ biên</i> ), Đặng Châu Anh ( <i>Chủ biên</i> ), Hà Thị Thư, Nguyễn Đình Tình, Trịnh Mai Trang, Tô Ngọc Tú, Lâm Đức Vinh.                                 | Chân trời sáng tạo | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |
| 8  | Mĩ thuật              | Nguyễn Thị Nhung ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Nguyễn Tuấn Cường ( <i>Chủ biên</i> ), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận.  | Chân trời sáng tạo | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |
| 9  | Hoạt động trải nghiệm | Phó Đức Hòa ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Bùi Ngọc Diệp ( <i>Chủ biên</i> ), Lê Thị Thu Huyền, Nguyễn Hà My, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Hữu Tâm, Nguyễn Huyền Trang.                                    | Chân trời sáng tạo | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |
| 10 | Tin học               | Quách Tất Kiên ( <i>Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên</i> ), Phạm Thị Quỳnh Anh ( <i>đồng Chủ biên</i> ), Đỗ Minh Hoàng Đức, Lê Tấn Hồng Hải, Trịnh Thanh Hải, Nguyễn Minh Thiên Hoàng, Đỗ Thị Ngọc Quỳnh. | Chân trời sáng tạo | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |
| 11 | Công nghệ             | Bùi Văn Hồng ( <i>Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên</i> ), Nguyễn Thị Hồng Chiêm, Lê Thị Mỹ Nga, Đoàn Thị Ngân.  | Chân trời sáng tạo | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |
| 12 | Tiếng Anh             | Hoàng Văn Vân ( <i>Tổng Chủ biên</i> ), Nguyễn Quốc Tuấn ( <i>Chủ biên</i> ), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Minh Tuấn.   |                    | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |

**LỚP 5**

| <b>TT</b> | <b>NHÓM TÁC GIẢ</b> | <b>BỘ SÁCH</b>   | <b>NHÀ XUẤT BẢN</b> | <b>NHÓM TÁC GIẢ</b>            |
|-----------|---------------------|--|---------------------|--------------------------------|
| 1         | Tiếng Việt Tập một  | Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cam Ly (đồng Chủ biên), Vũ Thị Ân, Trần Văn Chung, Phạm Thị Kim Oanh, Hoàng Thụy Thanh Tâm.                                 | Chân trời sáng tạo  | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |
|           | Tiếng Việt Tập hai  | Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cam Ly (đồng Chủ biên), Vũ Thị Ân, Trần Văn Chung, Phạm Thị Kim Oanh, Hoàng Thụy Thanh Tâm.                                 | Chân trời sáng tạo  | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |
| 2         | Toán                | Trần Nam Dũng (Tổng chủ biên), Khúc Thành Chính (Chủ biên), Đinh Thị Xuân Dung, Nguyễn Kính Đức, Đậu Thị Huế, Đinh Thị Kim Lan, Huỳnh Thị Kim Trang. | Chân trời sáng tạo  | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |
| 3         | Đạo đức             | Huỳnh Văn Sơn (Tổng Chủ biên), Mai Mỹ Hạnh (Chủ biên), Trần Thanh Dư, Nguyễn Thanh Huân, Lâm Thị Kim Liên, Giang Thiên Vũ.                           | Chân trời sáng tạo  | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |
| 4         | Khoa học            | Đỗ Xuân Hội (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Thủy (Chủ biên), Lưu Phương Thanh Bình, Trần Thanh Sơn.  | Chân trời sáng tạo  | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |
| 5         | Lịch sử và Địa lí   | Nguyễn Trà My, Phạm Đỗ Văn Trung (đồng Chủ biên), Nguyễn Khánh Băng, Trần Thị Ngọc Hân, Trần Văn Nhân,   | Chân trời sáng tạo  | Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam |

|    |                          |  |                  |   |
|----|--------------------------|--|------------------|---|
|    |                          | Nguyễn Chí Tuấn.   |                  |   |
| 6  | Giáo dục thể chất        | Phạm Thị Lệ Hằng (Chủ biên),<br>Bùi Ngọc Bích, Lê Hải, Trần<br>Minh Tuấn   | Chân<br>sáng tạo | trời<br>Nhà xuất<br>bản Giáo<br>dục Việt<br>Nam |
| 7  | Âm nhạc                  | Hồ Ngọc Khải, Lê Anh Tuấn<br>(đồng Tổng Chủ biên), Đặng<br>Châu Anh (Chủ biên), Hà Thị<br>Thư, Nguyễn Đình Tình, Tô<br>Ngọc Tú, Lâm Đức Vinh.                  | Chân<br>sáng tạo | trời<br>Nhà xuất<br>bản Giáo<br>dục Việt<br>Nam |
| 8  | Mĩ thuật                 | Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ<br>biên), Nguyễn Tuấn Cường<br>(Chủ biên), Lương Thanh<br>Khiết, Nguyễn Ánh Phương<br>Nam, Phạm Văn Thuận.                          | Chân<br>sáng tạo | trời<br>Nhà xuất<br>bản Giáo<br>dục Việt<br>Nam |
| 9  | Hoạt động trải<br>nghiệm | Phó Đức Hòa (Tổng Chủ biên),<br>Bùi Ngọc Diệp (Chủ biên), Lê<br>Thị Thu Huyền, Nguyễn Hà<br>My, Đặng Thị Thanh Nhân,<br>Nguyễn Hữu Tâm, Nguyễn<br>Huyền Trang. | Chân<br>sáng tạo | trời<br>Nhà xuất<br>bản Giáo<br>dục Việt<br>Nam |
| 10 | Tin học                  | Quách Tắt Kiên (Tổng Chủ<br>biên kiêm Chủ biên), Phạm Thị<br>Quỳnh Anh (đồng Chủ biên),<br>Nguyễn Nhật Minh Đăng, Lê<br>Tân Hồng Hải, Trịnh Thanh<br>Hải.      | Chân<br>sáng tạo | trời<br>Nhà xuất<br>bản Giáo<br>dục Việt<br>Nam |
| 11 | Công nghệ                | Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên<br>kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị<br>Hồng Chiêm, Lê Thị Mỹ Nga,<br>Lê Thị Xinh.  | Chân<br>sáng tạo | trời<br>Nhà xuất<br>bản Giáo<br>dục Việt<br>Nam |
| 12 | Tiếng Anh                | Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ<br>biên), Trần Hương Quỳnh<br>(Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị<br>Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc,<br>Nguyễn Minh Tuấn, Nguyễn<br>Quốc Tuấn.        |                  | Nhà xuất<br>bản Giáo<br>dục Việt<br>Nam         |

Bảo đảm ngay từ khi bước vào năm học mới tất cả học sinh đều có đủ sách giáo khoa của các môn học, hoạt động giáo dục theo quy định. Giáo viên cần hướng dẫn sử dụng sách, vở hàng ngày để học sinh không phải mang theo nhiều sách, vở khi tới trường; sử dụng có hiệu quả sách và tài liệu của thư viện. Khuyến khích tổ chức cho học sinh để sách vở, đồ dùng học tập tại lớp. Thực hiện việc cấp miễn phí sách giáo khoa cho học sinh khó khăn, học sinh thuộc đối tượng chính sách.

Các loại tài liệu học sinh có thể vận dụng tham khảo vào việc học tập, không buộc học sinh phải có.

Rà soát, sửa chữa, bổ sung thiết bị dạy học tối thiểu theo Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu ban hành theo Thông tư 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021. Tổ chức cho giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh cùng làm đồ dùng dạy học. Khai thác các nguồn lực để từng bước đầu tư các thiết bị dạy học hiện đại, thiết bị dạy học có yếu tố công nghệ thông tin, phần mềm dạy học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục, nâng cao chất lượng dạy và học. Khai thác, sử dụng có hiệu quả và bảo quản tốt thiết bị dạy học, phòng máy tính. Từng bước mua mới, thay thế, sửa chữa bàn ghế đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh, phù hợp tầm vóc học sinh và yêu cầu đổi mới hình thức, phương pháp dạy học. Bảo quản tốt và sử dụng hiệu quả đàn Organ trong giờ học âm nhạc và các hoạt động giáo dục khác.

### **III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 - 2025**

#### **1. Mục tiêu chung**

Triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 và lớp 5 năm học 2024 - 2025 đảm bảo chất lượng, hiệu quả; Thực hiện nghiêm túc Công văn số 4612/BGDĐT-GDTrH ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Bộ GDĐT hướng dẫn thực hiện CT GDPT hiện hành theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất học sinh, chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục nghiêm túc, linh hoạt, sáng tạo; Công văn số 2384/BGDĐT-GDTrH ngày 01 tháng 7 năm 2020 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh. Tổ chức thực hiện nội dung dạy học theo hướng tiếp cận CT GDPT 2018; đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và đánh giá học sinh tiểu học; vận dụng phù hợp những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

Thực hiện tốt CT GDPT 2018, tăng cường kiểm tra, giám sát để hỗ trợ việc triển khai thực hiện CT GDPT 2018; tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông về việc thực hiện đổi mới chương trình, sách giáo khoa.

Chú trọng đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học, chuyển từ “*quản lý*” sang “*quản trị*” theo hướng phát huy tính chủ động, linh hoạt của nhà trường

và năng lực tự chủ, sáng tạo của tổ chuyên môn, giáo viên trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển năng lực, phẩm chất học sinh; phối hợp giữa nhà trường, cha mẹ học sinh và các cơ quan, tổ chức có liên quan tại địa phương trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Tích cực tổ chức sinh hoạt chuyên môn tại các tổ chuyên môn trong trường và cụm trường; chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học theo quy định.

Tăng cường cơ sở vật chất đáp ứng thực hiện chương trình giáo dục phổ thông đối với cấp tiểu học. Thực hiện rà soát cơ sở vật chất, đảm bảo tỉ lệ phòng, tỉ lệ giáo viên và sĩ số học sinh/lớp đúng theo quy định để tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đảm bảo chất lượng. Chú trọng vệ sinh, sửa chữa kịp thời nhà vệ sinh và công trình nước sạch trong nhà trường.

Đảm bảo đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý đủ về số lượng, chuẩn hóa về trình độ đào tạo, đồng bộ về cơ cấu, nâng cao chất lượng theo chuẩn nghề nghiệp. Tiếp tục thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo; tăng cường chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các quy định về đạo đức nhà giáo. Xây dựng kế hoạch theo lộ trình triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giáo viên tiểu học đạt chuẩn trình độ tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở.

Thực hiện quyền tự chủ của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục đi đôi với việc nâng cao năng lực quản lý của hiệu trưởng, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ sở giáo dục. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, chuẩn bị các điều kiện đảm bảo theo quy định để triển khai dạy học hiệu quả, phù hợp điều kiện thực tế của đơn vị. Đảm bảo chất lượng dạy học 2 buổi/ngày; triển khai dạy học ngoại ngữ các lớp 1,2,3,4,5; tin học các lớp 3,4,5; tích cực và nâng cao hiệu quả trong công tác truyền thông. Thực hiện tốt quy chế dân chủ, nâng cao vai trò, trách nhiệm, lương tâm, đạo đức nhà giáo, khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục tiểu học.

Tăng cường nền nếp, kỷ cương, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Chú trọng kết hợp dạy chữ với dạy người, giáo dục ý thức, trách nhiệm của công dân đối với gia đình - nhà trường - xã hội cho học sinh tiểu học. Thực hiện tốt các cuộc vận động, các phong trào thi đua của ngành phù hợp điều kiện từng địa phương, đơn vị.

Tăng cường an ninh, an toàn trường học, tích cực phòng, chống xâm hại và bạo lực học đường; chú trọng xây dựng văn hóa học đường trong môi trường giáo dục; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh; nâng cao ý thức trách nhiệm nghề nghiệp, đạo đức nhà giáo cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục; xây dựng cơ chế phối hợp giữa gia đình - nhà trường - xã hội trong giáo dục đạo đức, nhân cách cho học sinh. Bảo đảm thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục thể chất, y tế trường học; phát động phong trào học bơi và phòng, chống đuối nước cho học sinh.

Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục, thời gian năm học, tăng cường quyền tự chủ của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục trên khung chương trình giáo dục của Bộ Giáo dục.

Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, thực hiện thường xuyên, hiệu quả các phương pháp, hình thức và kỹ thuật dạy học tích cực, phương pháp giáo dục kỹ luật tích cực và đánh giá học sinh theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học.

Thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục, nâng cao chất lượng giáo dục đại trà, đặc biệt chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, ý thức, trách nhiệm của công dân đối với xã hội, cộng đồng của học sinh, chú trọng các nội dung thể chất, thẩm mỹ, hoạt động ngoài giờ lên lớp, kỹ năng sống và y tế trường học.

Thực hiện công tác quản lý trong nhà trường, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, tăng cường bồi dưỡng thường xuyên, đổi mới sinh hoạt chuyên môn để nâng cao chất lượng đội ngũ, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, công tác truyền thông,...

Phòng học, phòng làm việc được sửa chữa nâng cấp nhằm phục vụ tối đa cho việc dạy và học. Xây dựng cảnh quan môi trường sư phạm “ Xanh - Sạch - Đẹp - Thân Thiện”, giữ vững công nhận “Đơn vị văn hóa”, “ Trường xanh - sạch - đẹp”, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”. Duy trì nhà trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2.

## 2. Mục tiêu cụ thể

- Chỉ tiêu về phẩm chất, năng lực HS

+ Khối 1

| Phẩm chất/<br>năng lực | TSHS | Khối 1 |      |     |      |             |    | Ghi chú |
|------------------------|------|--------|------|-----|------|-------------|----|---------|
|                        |      | Tốt    |      | Đạt |      | Cần cố gắng |    |         |
|                        |      | SL     | TL   | SL  | TL   | SL          | TL |         |
| Yêu nước               | 209  | 162    | 77.5 | 47  | 22.5 | 0           | 0  | PC      |
| Nhân ái                | 209  | 159    | 76.1 | 50  | 23.9 | 0           | 0  | PC      |
| Chăm chỉ               | 209  | 146    | 69.9 | 63  | 30.1 | 0           | 0  | PC      |
| Trung thực             | 209  | 161    | 77.0 | 48  | 22.1 | 0           | 0  | PC      |

|                      |     |     |      |    |      |   |   |      |
|----------------------|-----|-----|------|----|------|---|---|------|
| Trách nhiệm          | 209 | 148 | 70.8 | 61 | 29.2 | 0 | 0 | PC   |
| Tự chủ và tự học     | 209 | 135 | 64.6 | 74 | 35.4 | 0 | 0 | NLC  |
| Giao tiếp và hợp tác | 209 | 152 | 72.7 | 57 | 27.3 | 0 | 0 | NLC  |
| GQVĐ và sáng tạo     | 209 | 145 | 69.4 | 64 | 30.6 | 0 | 0 | NLC  |
| Ngôn ngữ             | 209 | 163 | 77.9 | 46 | 22.1 | 0 | 0 | NLĐT |
| Tính toán            | 209 | 149 | 71.3 | 60 | 28.7 | 0 | 0 | NLĐT |
| Thâm mĩ              | 209 | 139 | 66.5 | 70 | 33.5 | 0 | 0 | NLĐT |
| Khoa học             | 209 | 155 | 74.2 | 54 | 25.8 | 0 | 0 | NLĐT |
| Thể chất             | 209 | 162 | 77.5 | 47 | 22.5 | 0 | 0 | NLĐT |

### + Khối 2

| Phẩm chất/<br>năng lực | TSHS | Khối 2 |      |     |      |             |    | Ghi chú |
|------------------------|------|--------|------|-----|------|-------------|----|---------|
|                        |      | Tốt    |      | Đạt |      | Cần cố gắng |    |         |
|                        |      | SL     | TL   | SL  | TL   | SL          | TL |         |
| Yêu nước               | 188  | 151    | 80.3 | 37  | 19.7 | 0           | 0  | PC      |
| Nhân ái                | 188  | 146    | 77.7 | 42  | 22.3 | 0           | 0  | PC      |
| Chăm chỉ               | 188  | 145    | 77.1 | 43  | 22.9 | 0           | 0  | PC      |
| Trung thực             | 188  | 152    | 80.9 | 36  | 19.1 | 0           | 0  | PC      |
| Trách nhiệm            | 188  | 148    | 78.7 | 40  | 21.3 | 0           | 0  | PC      |
| Tự chủ và tự học       | 188  | 135    | 71.8 | 53  | 28.2 | 0           | 0  | NLC     |
| Giao tiếp và hợp tác   | 188  | 150    | 79.8 | 38  | 20.2 | 0           | 0  | NLC     |
| GQVĐ và sáng tạo       | 188  | 145    | 77.1 | 43  | 22.9 | 0           | 0  | NLC     |
| Ngôn ngữ               | 188  | 147    | 78.2 | 41  | 21.8 | 0           | 0  | NLĐT    |
| Tính toán              | 188  | 149    | 79.3 | 39  | 20.7 | 0           | 0  | NLĐT    |
| Thâm mĩ                | 188  | 139    | 73.9 | 49  | 26.1 | 0           | 0  | NLĐT    |
| Khoa học               | 188  | 142    | 75.5 | 46  | 24.5 | 0           | 0  | NLĐT    |
| Thể chất               | 188  | 149    | 79.3 | 39  | 20.7 | 0           | 0  | NLĐT    |

### + Khối 3

| Phẩm chất/<br>năng lực | TSHS | Khối 3 |      |     |      |             |    | Ghi chú |
|------------------------|------|--------|------|-----|------|-------------|----|---------|
|                        |      | Tốt    |      | Đạt |      | Cần cố gắng |    |         |
|                        |      | SL     | TL   | SL  | TL   | SL          | TL |         |
| Yêu nước               | 199  | 154    | 77.4 | 45  | 22.6 | 0           | 0  | PC      |
| Nhân ái                | 199  | 143    | 71.9 | 56  | 28.1 | 0           | 0  | PC      |
| Chăm chỉ               | 199  | 149    | 74.9 | 50  | 25.1 | 0           | 0  | PC      |
| Trung thực             | 199  | 148    | 74.4 | 51  | 25.6 | 0           | 0  | PC      |
| Trách nhiệm            | 199  | 150    | 75.4 | 49  | 24.6 | 0           | 0  | PC      |
| Tự chủ và tự học       | 199  | 152    | 76.4 | 47  | 23.6 | 0           | 0  | NLC     |



|                      |     |     |      |    |      |   |   |      |
|----------------------|-----|-----|------|----|------|---|---|------|
| Giao tiếp và hợp tác | 199 | 154 | 77.4 | 45 | 22.6 | 0 | 0 | NLC  |
| GQVĐ và sáng tạo     | 199 | 158 | 79.4 | 41 | 20.6 | 0 | 0 | NLC  |
| Ngôn ngữ             | 199 | 145 | 72.9 | 54 | 27.1 | 0 | 0 | NLĐT |
| Tính toán            | 199 | 149 | 74.9 | 50 | 25.1 | 0 | 0 | NLĐT |
| Khoa học             | 199 | 148 | 74.4 | 51 | 25.6 | 0 | 0 | NLĐT |
| Thâm mĩ              | 199 | 139 | 69.8 | 60 | 30.2 | 0 | 0 | NLĐT |
| Thể chất             | 199 | 143 | 71.9 | 56 | 28.1 | 0 | 0 | NLĐT |
| Công nghệ            | 199 | 141 | 70.9 | 58 | 29.1 | 0 | 0 | NLĐT |
| Tin học              | 199 | 138 | 69.3 | 61 | 30.7 | 0 | 0 | NLĐT |

## + Khối 4

| Phẩm chất/<br>năng lực | TSHS | Khối 4 |      |     |      |             |    | Ghi chú |
|------------------------|------|--------|------|-----|------|-------------|----|---------|
|                        |      | Tốt    |      | Đạt |      | Cần cố gắng |    |         |
|                        |      | SL     | TL   | SL  | TL   | SL          | TL |         |
| Yêu nước               | 189  | 144    | 76.2 | 45  | 23.8 | 0           | 0  | PC      |
| Nhân ái                | 189  | 133    | 70.4 | 56  | 29.6 | 0           | 0  | PC      |
| Chăm chỉ               | 189  | 139    | 73.5 | 50  | 26.5 | 0           | 0  | PC      |
| Trung thực             | 189  | 138    | 73.0 | 51  | 27.0 | 0           | 0  | PC      |
| Trách nhiệm            | 189  | 140    | 74.1 | 49  | 25.9 | 0           | 0  | PC      |
| Tự chủ và tự học       | 189  | 142    | 75.1 | 47  | 24.9 | 0           | 0  | NLC     |
| Giao tiếp và hợp tác   | 189  | 144    | 76.2 | 45  | 23.8 | 0           | 0  | NLC     |
| GQVĐ và sáng tạo       | 189  | 148    | 78.3 | 41  | 21.7 | 0           | 0  | NLC     |
| Ngôn ngữ               | 189  | 135    | 71.4 | 54  | 28.6 | 0           | 0  | NLĐT    |
| Tính toán              | 189  | 139    | 73.5 | 50  | 26.5 | 0           | 0  | NLĐT    |
| Khoa học               | 189  | 138    | 73.0 | 51  | 27.0 | 0           | 0  | NLĐT    |
| Thâm mĩ                | 189  | 135    | 71.4 | 54  | 28.6 | 0           | 0  | NLĐT    |
| Thể chất               | 189  | 133    | 70.4 | 56  | 29.6 | 0           | 0  | NLĐT    |
| Công nghệ              | 189  | 131    | 69.3 | 58  | 30.7 | 0           | 0  | NLĐT    |
| Tin học                | 189  | 134    | 70.9 | 55  | 29.1 | 0           | 0  | NLĐT    |

## + Khối 5

| Phẩm chất/<br>năng lực | TSHS | Khối 5 |      |     |      |             |    | Ghi chú |
|------------------------|------|--------|------|-----|------|-------------|----|---------|
|                        |      | Tốt    |      | Đạt |      | Cần cố gắng |    |         |
|                        |      | SL     | TL   | SL  | TL   | SL          | TL |         |
| Yêu nước               | 199  | 155    | 77.9 | 44  | 22.1 | 0           | 0  | PC      |
| Nhân ái                | 199  | 146    | 73.4 | 53  | 26.6 | 0           | 0  | PC      |
| Chăm chỉ               | 199  | 152    | 76.4 | 47  | 23.6 | 0           | 0  | PC      |
| Trung thực             | 199  | 153    | 76.9 | 46  | 23.1 | 0           | 0  | PC      |

|                      |     |     |      |    |      |   |   |      |
|----------------------|-----|-----|------|----|------|---|---|------|
| Trách nhiệm          | 199 | 148 | 74.4 | 51 | 25.6 | 0 | 0 | PC   |
| Tự chủ và tự học     | 199 | 154 | 77.4 | 45 | 22.6 | 0 | 0 | NLC  |
| Giao tiếp và hợp tác | 199 | 151 | 75.9 | 48 | 24.1 | 0 | 0 | NLC  |
| GQVĐ và sáng tạo     | 199 | 157 | 78.9 | 42 | 21.1 | 0 | 0 | NLC  |
| Ngôn ngữ             | 199 | 149 | 74.9 | 50 | 25.1 | 0 | 0 | NLĐT |
| Tính toán            | 199 | 147 | 73.9 | 52 | 26.1 | 0 | 0 | NLĐT |
| Khoa học             | 199 | 150 | 75.4 | 49 | 24.6 | 0 | 0 | NLĐT |
| Thảm mĩ              | 199 | 141 | 70.9 | 58 | 29.1 | 0 | 0 | NLĐT |
| Thể chất             | 199 | 144 | 72.4 | 55 | 27.6 | 0 | 0 | NLĐT |
| Công nghệ            | 199 | 143 | 71.9 | 56 | 28.1 | 0 | 0 | NLĐT |
| Tin học              | 199 | 139 | 69.8 | 60 | 30.2 | 0 | 0 | NLĐT |

**- Chất lượng các môn học và hoạt động giáo dục**

**+ Khối 1**

| TT | Môn học và hoạt động giáo dục | TSHS | Khối 1 |      |            |      |         |    |
|----|-------------------------------|------|--------|------|------------|------|---------|----|
|    |                               |      | HT tốt |      | Hoàn thành |      | Chưa HT |    |
|    |                               |      | SL     | TL   | SL         | TL   | SL      | TL |
| 1  | Tiếng Việt                    | 209  | 163    | 78.0 | 46         | 22.0 | 0       | 0  |
| 2  | Toán                          | 209  | 149    | 71.3 | 60         | 28.7 | 0       | 0  |
| 3  | Ngoại ngữ 1 (TA)              | 209  | 158    | 75.6 | 51         | 24.4 | 0       | 0  |
| 4  | Tự nhiên và XH                | 209  | 165    | 78.9 | 44         | 21.1 | 0       | 0  |
| 5  | GD thể chất                   | 209  | 162    | 77.5 | 47         | 22.5 | 0       | 0  |
| 6  | Âm nhạc                       | 209  | 135    | 64.6 | 74         | 35.4 | 0       | 0  |
| 7  | Mĩ thuật                      | 209  | 155    | 74.2 | 54         | 25.8 | 0       | 0  |
| 8  | HD trải nghiệm                | 209  | 151    | 72.2 | 58         | 27.8 | 0       | 0  |
| 9  | Đạo đức                       | 209  | 161    | 77.0 | 48         | 23.0 | 0       | 0  |

**+ Khối 2**

| TT | Môn học và hoạt động giáo dục | TSHS | Khối 2 |      |            |      |         |    |
|----|-------------------------------|------|--------|------|------------|------|---------|----|
|    |                               |      | HT tốt |      | Hoàn thành |      | Chưa HT |    |
|    |                               |      | SL     | TL   | SL         | TL   | SL      | TL |
| 1  | Tiếng Việt                    | 188  | 147    | 78.2 | 41         | 21.8 | 0       | 0  |
| 2  | Toán                          | 188  | 149    | 79.3 | 39         | 20.7 | 0       | 0  |
| 3  | Ngoại ngữ 1(TA)               | 188  | 136    | 72.3 | 52         | 27.7 | 0       | 0  |
| 4  | Đạo đức                       | 188  | 157    | 83.5 | 31         | 16.5 | 0       | 0  |
| 5  | Tự nhiên và XH                | 188  | 142    | 75.5 | 46         | 24.5 | 0       | 0  |

|   |                |     |     |      |    |      |   |   |
|---|----------------|-----|-----|------|----|------|---|---|
| 6 | GD thể chất    | 188 | 149 | 79.3 | 39 | 20.7 | 0 | 0 |
| 7 | Âm nhạc        | 188 | 140 | 74.5 | 48 | 25.5 | 0 | 0 |
| 8 | Mĩ thuật       | 188 | 139 | 73.9 | 49 | 26.1 | 0 | 0 |
| 9 | HD trải nghiệm | 188 | 148 | 78.7 | 40 | 21.3 | 0 | 0 |

**+ Khối 3**

| TT | Môn học và hoạt động giáo dục | TSHS | Khối 3 |      |            |      |         |    |
|----|-------------------------------|------|--------|------|------------|------|---------|----|
|    |                               |      | HT tốt |      | Hoàn thành |      | Chưa HT |    |
|    |                               |      | SL     | TL   | SL         | TL   | SL      | TL |
| 1  | Tiếng Việt                    | 199  | 145    | 72.9 | 54         | 27.1 | 0       | 0  |
| 2  | Toán                          | 199  | 149    | 74.9 | 50         | 25.1 | 0       | 0  |
| 3  | Tự nhiên và XH                | 199  | 148    | 74.4 | 51         | 25.6 | 0       | 0  |
| 4  | Đạo đức                       | 199  | 145    | 72.9 | 54         | 27.1 | 0       | 0  |
| 5  | TH&CN (Tin học)               | 199  | 138    | 69.3 | 61         | 30.7 | 0       | 0  |
| 6  | TH&CN (Công nghệ)             | 199  | 141    | 70.9 | 58         | 29.1 | 0       | 0  |
| 7  | Mĩ thuật                      | 199  | 139    | 69.8 | 60         | 30.2 | 0       | 0  |
| 8  | Âm nhạc                       | 199  | 135    | 67.8 | 64         | 32.2 | 0       | 0  |
| 9  | Giáo dục thể chất             | 199  | 143    | 71.9 | 56         | 28.1 | 0       | 0  |
| 10 | Ngoại ngữ 1(TA)               | 199  | 134    | 67.3 | 65         | 32.7 | 0       | 0  |
| 11 | HD trải nghiệm                | 199  | 140    | 70.4 | 59         | 29.6 | 0       | 0  |

**+ Khối 4**

| T<br>T | Môn học và hoạt động giáo dục | TSHS | Khối 4 |      |            |      |         |    |
|--------|-------------------------------|------|--------|------|------------|------|---------|----|
|        |                               |      | HT tốt |      | Hoàn thành |      | Chưa HT |    |
|        |                               |      | SL     | TL   | S<br>L     | TL   | SL      | TL |
| 1      | Tiếng Việt                    | 189  | 105    | 55.6 | 84         | 44.4 | 0       | 0  |
| 2      | Toán                          | 189  | 107    | 56.6 | 82         | 43.4 | 0       | 0  |
| 3      | Khoa học                      | 189  | 116    | 61.4 | 73         | 38.6 | 0       | 0  |
| 4      | Lịch sử & Địa lí              | 189  | 110    | 58.2 | 79         | 41.8 | 0       | 0  |
| 5      | Đạo đức                       | 189  | 131    | 69.3 | 58         | 30.7 | 0       | 0  |
| 6      | Mĩ thuật                      | 189  | 103    | 54.5 | 86         | 45.5 | 0       | 0  |
| 7      | Âm nhạc                       | 189  | 133    | 70.4 | 56         | 29.6 | 0       | 0  |
| 8      | Giáo dục thể chất             | 189  | 109    | 57.7 | 80         | 42.3 | 0       | 0  |
| 9      | Ngoại ngữ 1 (TA)              | 189  | 105    | 55.6 | 84         | 44.4 | 0       | 0  |

|    |                   |     |     |      |    |      |   |   |
|----|-------------------|-----|-----|------|----|------|---|---|
| 10 | TH&CN (Tin học )  | 189 | 119 | 63.0 | 70 | 37.0 | 0 | 0 |
| 11 | TH&CN (Công nghệ) | 189 | 119 | 63.0 | 70 | 37.0 | 0 | 0 |
| 12 | HĐ trải nghiệm    | 189 | 118 | 62.4 | 71 | 37.6 | 0 | 0 |

### + Khối 5

| T<br>T | Môn học và hoạt<br>động giáo dục | TSHS | Khối 5 |      |               |      |         |    |
|--------|----------------------------------|------|--------|------|---------------|------|---------|----|
|        |                                  |      | HT tốt |      | Hoàn<br>thành |      | Chưa HT |    |
|        |                                  |      | SL     | TL   | S<br>L        | TL   | SL      | TL |
| 1      | Tiếng Việt                       | 199  | 112    | 56.3 | 87            | 43.7 | 0       | 0  |
| 2      | Toán                             | 199  | 114    | 57.3 | 85            | 42.7 | 0       | 0  |
| 3      | Khoa học                         | 199  | 125    | 62.8 | 74            | 37.2 | 0       | 0  |
| 4      | Lịch sử & Địa lí                 | 199  | 121    | 60.8 | 78            | 39.2 | 0       | 0  |
| 5      | Đạo đức                          | 199  | 129    | 64.8 | 70            | 35.2 | 0       | 0  |
| 6      | Mĩ thuật                         | 199  | 103    | 51.8 | 96            | 48.2 | 0       | 0  |
| 7      | Âm nhạc                          | 199  | 123    | 61.8 | 76            | 38.2 | 0       | 0  |
| 8      | Giáo dục thể chất                | 199  | 110    | 55.3 | 89            | 44.7 | 0       | 0  |
| 9      | Ngoại ngữ 1 (TA)                 | 199  | 105    | 52.8 | 94            | 47.2 | 0       | 0  |
| 10     | TH&CN (Tin học )                 | 199  | 106    | 53.3 | 93            | 46.7 | 0       | 0  |
| 11     | TH&CN (Công nghệ)                | 199  | 105    | 52.8 | 94            | 47.2 | 0       | 0  |
| 12     | HĐ trải nghiệm                   | 199  | 118    | 59.3 | 81            | 40.7 | 0       | 0  |

### - Chỉ tiêu về kết quả giáo dục

| TT          | Khối/<br>Lớp | TSHS       | Kết quả giáo dục khối 1, 2, 3, 4, 5 |               |           |             |            |              |          |          |
|-------------|--------------|------------|-------------------------------------|---------------|-----------|-------------|------------|--------------|----------|----------|
|             |              |            | HT xuất sắc                         |               | HT tốt    |             | Hoàn thành |              | Chưa HT  |          |
|             |              |            | SL                                  | TL            | SL        | TL          | SL         | TL           | SL       | TL       |
| 1           | Một          | 209        | 115                                 | 55.0          | 8         | 3.8         | 86         | 41.2         | 0        | 0        |
| 2           | Hai          | 188        | 112                                 | 59.6          | 12        | 6.4         | 64         | 34.0         | 0        | 0        |
| 3           | Ba           | 199        | 98                                  | 49.2          | 11        | 5.5         | 90         | 45.3         | 0        | 0        |
| 4           | Bốn          | 189        | 89                                  | 47.1          | 15        | 7.9         | 85         | 45.0         | 0        | 0        |
| 5           | Năm          | 199        | 97                                  | 48.8          | 12        | 6.0         | 90         | 45.2         | 0        | 0        |
| <b>Tổng</b> |              | <b>984</b> | <b>511</b>                          | <b>51,93%</b> | <b>58</b> | <b>5,9%</b> | <b>415</b> | <b>42,17</b> | <b>0</b> | <b>0</b> |

### - Công tác huy động và duy trì học sinh

+ Tỷ lệ huy động HS lớp 1 đạt 100%.

+ Tỷ lệ huy động HS toàn cấp đạt 100%.

+ Nhà trường tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp (giáo dục truyền thống, trải nghiệm sáng tạo, giáo dục kỹ năng sống...) cho học sinh: ít nhất 6 lần/năm học.

+ Tham gia đầy đủ các kỳ thi, phong trào hội thi bắt buộc do ngành tổ chức hoặc phối hợp tổ chức: có HS đạt giải III trở lên.

**- Công tác Đảng, đoàn thể; Đơn vị văn hóa**

+ Chi bộ xếp loại cuối năm 2024 đạt: Chi bộ “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên.

+ Công đoàn xếp loại năm học 2024 – 2025: “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên.

+ Liên Đội trường đạt “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”.

+ Trường đạt danh hiệu “Đơn vị văn hóa”.

+ Thực hiện chỉ thị 05/CT-TW theo đánh giá xếp loại của cấp trên: đạt Tốt.

**- Tham gia bảo hiểm y tế**

+ Tỷ lệ HS có thẻ BHYT: đạt 100 %.

+ Tỷ lệ học sinh có Thẻ BHYT so với năm học trước:  $\geq$  năm học trước.

**- Công tác xóa mù chữ và phổ cập giáo dục**

+ Duy trì kết quả đạt chuẩn PCGDTH.

**- Quản lý thiết bị, thư viện; Ứng dụng CNTT; CCHC**

+ Quản lý, sử dụng thiết bị dạy học theo đánh giá của Phòng Giáo dục và Đào tạo (GDĐT).

+ Quản lý, sử dụng thư viện theo đánh giá của Phòng GDĐT.

+ Quản lý, sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện công tác cải cách hành chính trong quản lý, dạy học theo đánh giá của Phòng GDĐT.

**- Chấp hành pháp luật; quy định của ngành**

+ Không có CB, GV, NLĐ bị xử phạt vi phạm pháp luật, vi phạm hành chính bị cơ quan chức năng gửi thông báo về đơn vị.

+ Không có CB, GV, NLĐ bị xử lý kỷ luật từ “Cảnh cáo” trở lên về công chức, viên chức và đảng viên.

+ Không xảy ra các vụ việc phức tạp xảy ra tại đơn vị; không có tai nạn thương tích xảy ra với HS; không mất đoàn kết nội bộ; Thực hiện phân công, phân nhiệm không đúng quy định, phù hợp thực tế; Không phát sinh thưa kiện, khiếu nại, tố cáo kéo dài.

+ Không có giáo viên, nhân viên nhà trường vi phạm về dạy thêm, học thêm.

+ Không làm lộ, lọt bí mật Nhà nước thuộc phạm vi quản lý.

+ Không xảy ra bạo lực học đường.

+ Tổ chức triển khai đầy đủ nội dung văn bản của Phòng GDĐT; Báo cáo đúng thời gian quy định và số liệu phải chính xác.

### - Công tác tài chính

+ Không xảy ra sai phạm về lĩnh vực tài chính, tài sản qua đánh giá và kết luận của cơ quan kiểm toán, thanh tra, kiểm tra.

+ Không xảy ra tình trạng lạm thu theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền.

### - Thi đua, khen thưởng

+ Thực hiện hồ sơ đăng ký thi đua, xét thi đua và đề nghị khen thưởng: Đúng quy định.

+ Thực hiện hồ sơ khen thưởng theo quy định của cấp trên: Đúng quy định.

## IV. TỔ CHỨC CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

### 1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục (phụ lục 1.1)

### 2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

#### 2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học

*Kèm theo Phụ lục 1.2*

| Tháng   | Chủ điểm                | Nội dung trọng tâm   | Hình thức tổ chức       | Thời gian thực hiện | Người thực hiện | LL cùng tham gia   |
|---------|-------------------------|--|-------------------------|---------------------|-----------------|--------------------|
| 9/2024  | Ngày khai trường        | Hoạt động trải nghiệm: "Đêm hội trăng rằm".  | Toàn trường             | 9/2024              | BGH, TPT, GVCN  | Các đoàn thể       |
| 10/2024 | Truyền thông nhà trường | Hoạt động trải nghiệm: "Chúng em với trường lớp xanh, sạch, thân thiện và an toàn".                            | Từng lớp và toàn trường | 10/2024             | BGH, TPT, GVCN  | Các đoàn thể, CMHS |
| 11/2024 | Tôn sư trọng đạo        | Văn nghệ: "Chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam - 20/11".  | Toàn trường             | 11/2024             | BGH, TPT, GVCN  | Các đoàn thể, CMHS |
| 12/2024 | Uống nước nhớ nguồn     | Nói chuyện: "Bộ đội cụ Hồ"; Chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ.  | Toàn trường             | 12/2024             | BGH, TPT, GVCN  | Các đoàn thể       |
| 01/2025 | Truyền thông dân tộc    | Tổ chức học sinh tham quan trải nghiệm.  | Toàn trường             | 01/2025             | BGH, TPT, GVCN  | Các đoàn thể, CMHS |
| 02/2025 | Mừng Đảng, Mừng Xuân    | "Văn nghệ mừng Đảng, mừng xuân"; "Trò chơi dân gian"; Hoạt động trải nghiệm: "Gói bánh Tét, Mâm cơm gia đình." | Toàn trường             | 02/2025             | BGH, TPT, GV    | Các đoàn thể, CMHS |
| 3/2025  | Tiến bước lên đoàn      | Hái hoa dân chủ "Thi Tìm hiểu về Đoàn TNCSHCM".  | Toàn trường             | 3/2025              | BGH, TPT, GVCN  | Các đoàn thể       |
| 4/2025  | Hòa bình                | "Tổ chức ngày hội đọc  | Từng                    | 4/2025              | BGH,            | Các                |

|        |               |                               |                    |        |                |              |
|--------|---------------|-------------------------------|--------------------|--------|----------------|--------------|
|        | hữu nghị      | sách - Thi cảm nhận về sách”. | lớp và toàn trường |        | TPT, GVCN      | đoàn thể     |
| 5/2025 | Nhớ ơn Bác Hồ | Thi Kể chuyện Bác Hồ.         | Toàn trường        | 5/2025 | BGH, TPT, GVCN | Các đoàn thể |

\* Ghi chú: Hoạt động tháng 01/2025 và tháng 02/2025 có thể thay đổi tùy tình hình

2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường.

*Kèm theo Phụ lục 1.3*

### **3. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đối với các điểm trường**

- Điểm Tân Bình phân công cô Dương Hồng Bích Diệp phụ trách, có nhiệm vụ quản lý cơ sở vật chất của điểm, kịp thời thông tin những nội dung liên quan đến điểm trường.

- Các điểm trường thực hiện tất cả các hoạt động theo kế hoạch giáo dục nhà trường.

- Điều kiện cơ sở vật chất các điểm đảm bảo đầy đủ thực hiện tốt kế hoạch giáo dục nhà trường. Thực hiện tốt theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

### **4. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2024 - 2025 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục**

Hướng dẫn số 88/HD-SGDĐT ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc Hướng dẫn thực hiện kế hoạch thời gian năm học 2024 -2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông (GDPT) và giáo dục thường xuyên (GDTX).

1. Tựu trường, tuần lễ sinh hoạt học đường, khai giảng

a) Tựu trường

- Học sinh lớp 1 tựu trường ngày 22 tháng 8 năm 2024.

- Học sinh các lớp còn lại tựu trường ngày 29 tháng 8 năm 2024.

b) Tổ chức hoạt động “Sinh hoạt học đường”: Ngày 29 tháng 8 đến ngày 06 tháng 9 năm 2024.(Trừ các ngày nghỉ lễ)

c) Khai giảng năm học: Tổ chức khai giảng lúc 07 giờ 30 phút, thứ Năm, ngày 05 tháng 9 năm 2024.

2. Ngày bắt đầu và kết thúc năm học, các học kỳ

Năm học bắt đầu từ ngày 05 tháng 9 năm 2024 và kết thúc trước ngày 31 tháng 5 năm 2025 gồm thời gian gian thực học, kiểm tra cuối học kỳ và tổ chức các hoạt động giáo dục khác. Trong đó:

Học kỳ I: Từ ngày 05/9/2024 đến trước ngày 18/01/2025: Có 18 tuần thực học, kiểm tra định kỳ và các hoạt động giáo dục khác.

Học kì II: Từ ngày 20/01/2025 đến trước ngày 31/5/2025. Có 17 tuần thực học, kiểm tra định kì cuối năm học và các hoạt động giáo dục khác.

Kết thúc năm học: Trước ngày 31 tháng 5 năm 2025.

### 3. Các ngày nghỉ

a) Các ngày nghỉ lễ, tết thực hiện theo quy định của Luật Lao động và văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

b) Thời gian nghỉ phép năm của giáo viên được thực hiện trong thời gian nghỉ hè hoặc có thể bố trí xen kẽ vào thời gian khác trong năm.

Thực hiện Hướng dẫn số 648/SGDDĐT-GDTH ngày 09 tháng 6 năm 2020 của Sở GDĐT về Hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn cấp tiểu học kể từ năm học 2020 - 2021:

Sinh hoạt chuyên môn cấp tổ: thực hiện theo Điều lệ Trường tiểu học (2 tuần/lần).

Sinh hoạt chuyên môn cấp trường: ít nhất 3 lần/học kì.

Tại Trường Tiểu học Nha Môn 2 thời gian thực hiện chương trình năm học 2024- 2025 cụ thể như sau:

#### 4.1. Đối với khối lớp 1

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học.

*Phụ lục 1.4, đính kèm*

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 1

*Phụ lục 2, tổng hợp từ Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục của tổ chuyên môn khối 1*

#### 4.2. Đối với khối lớp 2

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học.

*Phụ lục 1.4, đính kèm*

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 2

*Phụ lục 3, tổng hợp từ Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục của tổ chuyên môn khối 2*

#### 4.3. Đối với khối lớp 3

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học.

*Phụ lục 1.4, đính kèm*

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 3

*Phụ lục 4, tổng hợp từ Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục của tổ chuyên môn khối 3*

#### 4.4. Đối với khối lớp 4

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học.



***Phụ lục 1.4, đính kèm***

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 4

***Phụ lục 5, tổng hợp từ Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục của tổ chuyên môn khối 4*****4.5. Đối với khối lớp 5**

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học.

***Phụ lục 1.4, đính kèm***

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 5

***Phụ lục 6, tổng hợp từ Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục của tổ chuyên môn khối 5*****V. MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG KHÁC****1. Thực hiện các cuộc vận động và phong trào thi đua**

- Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về việc “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và cuộc vận động “Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cuộc vận động “Hai không với bốn nội dung”

- Duy trì phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” theo Chỉ thị số 40/2008/CT-BGDĐT ngày 22 tháng 7 năm 2008 và Kế hoạch số 307/KH-BGDĐT ngày 22 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- 100% cán bộ giáo viên và học sinh tiếp tục thực hiện tốt 3 cuộc vận động lớn của ngành và các phong trào thi đua.

- Thực hiện tốt các quy định về đạo đức nhà giáo, coi trọng việc rèn luyện phẩm chất, lối sống, lương tâm nghề nghiệp; tạo cơ hội, động viên, khuyến khích giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục học tập và sáng tạo; ngăn ngừa và đấu tranh kiên quyết với các biểu hiện vi phạm pháp luật và đạo đức nhà giáo. Thực hiện nghiêm túc việc dạy học 2 buổi/ngày và dạy thêm, học thêm.

**2. Chương trình môn học****Thực hiện CT GDPT 2018**

Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục và tổ chức dạy học tập trung vào các vấn đề cơ bản sau:

- Nội dung dạy học: Các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc theo quy định của Chương trình; các môn học tự chọn; các hoạt động củng cố; các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh.

- Chủ động xác định nội dung, hình thức tổ chức, phân bổ thời lượng cho các nội dung dạy học trên cơ sở thực hiện đầy đủ nội dung, thời lượng các môn học bắt buộc theo quy định của chương trình.

- Thực hiện dạy đúng, đủ nội dung và thời lượng các môn học bắt buộc, chủ động xác định nội dung, lựa chọn hình thức tổ chức, phân bổ thời lượng cho các môn học tự chọn, hoạt động củng cố, hoạt động giáo dục khác.

Thực hiện chương trình các khối lớp theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cụ thể như sau:

- Khối lớp 1: Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Nghệ thuật, Giáo dục thể chất, Hoạt động trải nghiệm.

- Khối lớp 2: Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Nghệ thuật, Giáo dục thể chất, Hoạt động trải nghiệm.

- Khối lớp 3: Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Tin học và Công nghệ (Tin học), Tin học và Công nghệ (Công nghệ), Giáo dục thể chất, Âm nhạc, Mĩ thuật, Tiếng Anh, Hoạt động trải nghiệm.

- Khối lớp 4: Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Lịch sử và Địa lí; Khoa học, Tiếng Anh, Tin học và Công nghệ (Tin học), Tin học và Công nghệ (Công nghệ), Giáo dục thể chất, Âm nhạc, Mĩ thuật, Hoạt động trải nghiệm.

- Khối lớp 5: Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Lịch sử và Địa lí; Khoa học, Tiếng Anh, Tin học và Công nghệ (Tin học), Tin học và Công nghệ (Công nghệ), Giáo dục thể chất, Âm nhạc, Mĩ thuật, Hoạt động trải nghiệm..

Kế hoạch giáo dục các môn học, hoạt động giáo dục do tổ chuyên môn đề xuất và phải được hiệu trưởng nhà trường phê duyệt, cần chú ý:

- Xây dựng kế hoạch giáo dục của từng môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường theo hướng sắp xếp lại các tiết học trong sách giáo khoa thành một số bài học theo chủ đề, nhằm tiết kiệm thời gian và tạo thuận lợi cho việc áp dụng các phương pháp và kĩ thuật dạy học tích cực; chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống và giá trị sống, rèn luyện kĩ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật; tăng cường các hoạt động nhằm giúp học sinh vận dụng kiến thức liên môn vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.

- Tăng cường thực hiện tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống; học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; giáo dục pháp luật; giáo dục phòng chống tham nhũng; chú trọng tuyên truyền, giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; bảo vệ môi trường; đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai; giáo dục an toàn giao thông, giáo dục quốc phòng an ninh,... theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả nội dung giáo dục địa phương theo hướng dẫn tại Công văn số 3536/BGDĐT-GDTH ngày 19 tháng 8 năm 2019, trong đó thực hiện tích hợp nội dung giáo dục địa phương vào dạy học các môn học, hoạt động trải nghiệm theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

### **3. Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và đánh giá học sinh tiểu học**

#### **a) Đổi mới phương pháp dạy học**

Tiếp tục xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh, chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục nghiêm túc, linh hoạt, sáng tạo. Tổ chức thực hiện nội dung dạy học theo hướng tiếp cận CT GDPT 2018; đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và đánh giá học sinh tiểu học; vận dụng phù hợp những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

Tiếp tục áp dụng phương pháp “Bàn tay nặn bột”, chú trọng chủ động thực hiện việc sắp xếp lại nội dung dạy học một cách phù hợp, thuận lợi để áp dụng phương pháp Bàn tay nặn bột; thực hiện dạy học Mĩ thuật theo Dự án Đan Mạch, khuyến khích giáo viên thiết kế nội dung học tập bằng cách sắp xếp lại từ các bài học riêng lẻ trong sách giáo khoa thành từng bài học theo chủ đề, dựa trên cốt truyện, trong đó mỗi chủ đề có thể dạy trong 2 đến 3 tiết để tạo điều kiện hoàn thành nhiệm vụ dạy học hiệu quả.

Thực hiện tốt việc phát động giáo viên tham gia viết sáng kiến kinh nghiệm, tham gia tự học bồi dưỡng thường xuyên đạt kết quả.

#### **b) Tiếp tục thực hiện đổi mới đánh giá học sinh tiểu học**

Đánh giá học sinh theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học.

Nguyên tắc: Đánh giá học sinh thông qua đánh giá mức độ đạt được theo yêu cầu cần đạt và biểu hiện cụ thể về các thành phần năng lực của từng môn học, hoạt động giáo dục và những biểu hiện phẩm chất, năng lực của học sinh theo yêu cầu cần đạt của chương trình; thực hiện đánh giá sự tiến bộ và vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong học tập, rèn luyện của học sinh; giúp học sinh phát huy nhiều nhất khả năng, năng lực; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan; không so sánh học sinh này với học sinh khác, không tạo áp lực cho học sinh, giáo viên và cha mẹ học sinh.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý kết quả giáo dục và học tập của học sinh để giảm áp lực về hồ sơ, sổ sách, dành nhiều thời gian cho giáo viên quan tâm đến học sinh và đổi mới phương pháp dạy học.

Thực hiện tốt công tác bồi dưỡng HS chưa hoàn thành; bàn giao chất lượng giáo dục cuối năm học một cách nghiêm túc, phù hợp với từng nhóm đối tượng, kiên quyết không để HS “chưa đạt yêu cầu cần đạt mà lên lớp”; thực hiện khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định; tránh tùy tiện, máy móc, khen tràn lan gây bức xúc cho cha mẹ học sinh và dư luận xã hội.

Tiếp tục tổ chức tập huấn, hướng dẫn các GV về hình thức tổ chức, phương pháp đánh giá thường xuyên; biên soạn đề kiểm tra định kì cho các môn học theo Chương trình GDPT 2018; tổ chức thực hiện bài kiểm tra định kì đối với môn Tiếng Anh, môn Tin học và Công nghệ theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ GDĐT. Đối với môn Tin học và Công nghệ thực hiện tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá như hai môn học độc lập, theo Chương trình GDPT môn Tin học và Chương trình GDPT môn Công nghệ. Điều chỉnh mẫu học bạ và Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ GDĐT theo Quyết định Số: 2904/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Bộ GDĐT Quyết định Về việc đính chính Phụ lục 1 và Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 09 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học.

c) Đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học, gắn giáo dục nhà trường với thực tiễn cuộc sống

Xây dựng kế hoạch dạy học các môn học, chương trình nhà trường cho phù hợp với thực tiễn và tâm sinh lí học sinh. Tăng cường tổ chức các hoạt động học tập ngoài lớp học phù hợp với nội dung các môn học và hoạt động giáo dục cũng như phù hợp với thực tiễn. Thực hiện dạy học gắn kết giữa lí thuyết với thực hành; tăng cường các hoạt động trải nghiệm, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống của học sinh. Lòng ghép, tích hợp giáo dục đạo đức, nhân cách; giáo dục quốc phòng và an ninh; giáo dục pháp luật; giáo dục tài chính; an toàn giao thông; bảo vệ động vật hoang dã; giáo dục nhận thức về quyền và bổn phận của trẻ em; bình đẳng giới; phòng chống tai nạn thương tích; phòng chống HIV/AIDS; chú trọng giáo dục lối sống, kĩ năng sống; thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe và y tế trường học; tuyên truyền, giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo; bảo vệ môi trường; bảo tồn thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, giáo dục an toàn giao thông;...

d) Tiếp tục thực hiện “Nói không với văn mẫu”

Trong quá trình quản lí, chỉ đạo, điều hành, dạy học; cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên cần quan tâm phát huy khả năng sáng tạo của học sinh, không áp đặt rập khuôn. Tuyệt đối không dạy học sinh theo khuôn mẫu, máy móc dẫn đến các em thiếu tư duy, không rèn được cho các em kĩ năng. Quan tâm nghiên cứu tìm nguyên nhân của việc dạy văn mẫu và có giải pháp để khắc phục triệt để việc này.

**4. Dạy học 2 buổi/ngày, dạy ngoại ngữ, tin học, dạy học đối với học sinh khuyết tật**

Duy trì dạy học 2 buổi/ngày 30/30 lớp. Học sinh học 10 buổi/tuần, sáng 04 tiết, chiều 03 tiết; Mỗi tiết học 35 phút

Thực hiện dạy học ngoại ngữ đối với lớp 1, 2, 3, 4, 5; dạy tin học đối với lớp 3,4,5.

Thực hiện xây dựng thời khóa biểu 2 buổi/ngày đảm bảo giữa nội dung dạy học các môn học chính khóa và tăng cường, năng khiếu. Chú trọng việc học sinh được học tại phòng máy đối với môn Tin học và phòng bộ môn Tiếng Anh, Âm nhạc, Mĩ thuật.

## **5. Hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ**

### ***a. Bồi dưỡng học sinh năng khiếu***

Giáo viên các lớp, giáo viên bộ môn thành lập các câu lạc bộ gồm các môn: Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh, Âm nhạc, Mĩ thuật, Cờ Vua, Tin học.

Phó Hiệu trưởng chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch tổ chức bồi dưỡng học sinh, tránh trùng lịch do học sinh có thể sinh hoạt nhiều câu lạc bộ.

Tổ trưởng chuyên môn chịu trách nhiệm chính trong việc phân công, nội dung và cùng sinh hoạt câu lạc bộ tại tổ mình.

### ***b. Phụ đạo học sinh còn khó khăn trong học tập***

Đối với học sinh chưa hoàn thành hoặc còn hạn chế nội dung môn học, giáo viên cần giúp học sinh vươn lên đạt chuẩn cuối năm học 2024 – 2025; tạo động lực để các em phấn đấu vươn lên, tự tin trong học tập và các hoạt động khác. Toàn thể cán bộ giáo viên, nhân viên xác định rõ công tác kèm cặp, bồi dưỡng, phụ đạo học sinh chưa hoàn thành, học sinh còn hạn chế nội dung kiến thức kỹ năng và học sinh có nguy cơ bỏ học là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của năm học 2024–2025; thực hiện nghiêm túc chủ trương Dạy thật – Học thật của ngành.

Phân công quản lý và kiểm tra việc kèm cặp, phụ đạo học sinh chưa hoàn thành, học sinh còn hạn chế nội dung kiến thức kỹ năng và học sinh có nguy cơ bỏ học:

- Hiệu trưởng có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của các thành viên trong Ban chỉ đạo. Kiểm tra việc thực hiện kèm cặp, phụ đạo học sinh chưa hoàn thành, học sinh còn hạn chế kiến thức kỹ năng và học sinh có nguy cơ bỏ học của tất cả giáo viên được phân công. Ra quyết định thành lập Ban chỉ đạo.

- Phó Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch kèm cặp, phụ đạo học sinh chưa hoàn thành, học sinh còn hạn chế kiến thức kỹ năng và học sinh có nguy cơ bỏ học; tổ chức kiểm tra hàng tháng công tác kèm cặp, phụ đạo của giáo viên.

- Các tổ trưởng: chịu trách nhiệm kiểm tra, theo dõi các thành viên trong tổ. Hàng tháng kiểm tra kết quả kèm cặp, phụ đạo của giáo viên trong tổ báo cáo kết quả về Phó Hiệu trưởng.

- Giáo viên chủ nhiệm trực tiếp phụ đạo học sinh lớp mình phụ trách. Hàng tháng tổ chức kiểm tra 01 lần và lưu hồ sơ để theo dõi mức độ tiến bộ của từng em,

qua đó có giải pháp kèm cặp, phụ đạo học sinh đạt hiệu quả hơn. Giáo viên bộ môn, nhân viên giáo dục trong các tiết dạy, hỗ trợ giáo viên trong công tác kèm cặp, phụ đạo, huy động học sinh,...

***c. Tham gia các hội thi của giáo viên và học sinh***

Tham gia đủ các hội thi chuyên môn như sau:

***\* Đối với giáo viên:***

Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp tiểu học theo Thông tư số 22/2019/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Bộ GDĐT về việc Ban hành Quy định về Hội thi giáo viên dạy giỏi cơ sở giáo dục mầm non; giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông.

***\* Đối với học sinh:***

Ngày hội giao lưu học sinh tiểu học; Hội thi Hùng biện Tiếng Anh; Hội giao lưu “An toàn giao thông cho nụ cười trẻ thơ”; cuộc thi “Chiếc ô tô mơ ước” do Công ty Toyota phối hợp với Bộ GDĐT tổ chức; cuộc thi “Ý tưởng trẻ thơ” do Công ty Honda phối hợp với Bộ GDĐT tổ chức;...

Các phong trào: Văn nghệ thiếu nhi; Tiếng hát mừng Đảng-mừng Xuân; Vẽ tranh cổ động;....

Nhà trường thành lập các tổ tư vấn để bồi dưỡng giáo viên và học sinh tham gia các hội thi chuyên môn do ngành tổ chức, không thành lập đội tuyển, không gây áp lực cho học sinh.

**6. Tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm , giáo dục STEM**

Tăng cường thực hiện tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khoá theo hướng tổ chức hoạt động trải nghiệm và thực hiện nội dung GDĐP, tích hợp vào dạy học các môn học, hoạt động trải nghiệm theo hướng dẫn của Bộ GDĐT

Tập trung vào các hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống cho HS, giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống, kỹ năng tự bảo vệ bản thân tránh bị xâm hại, bạo lực; Giáo dục bảo vệ môi trường; giáo dục kỹ năng tài chính cá nhân. Tổ chức giáo dục HS nhận biết công việc, nghề nghiệp, việc làm của cha mẹ, người thân, các nghề truyền thống ở địa phương và một số nghề nghiệp cơ bản; Giáo dục HS hình thành các kỹ năng nhận thức, quản lý, khám phá bản thân, quản lý tài chính, kỹ năng giao tiếp được hướng dẫn của Bộ GDĐT. Phát huy, nhân rộng những mô hình hay, sáng tạo theo phương châm “HS đất Sen Hồng hướng tới tự tin, tự lực, biết phản biện, gắn kết thực tiễn, định hướng tương lai”, cụ thể: Giáo dục kỹ năng An toàn nơi công cộng; Nói không với bạo lực học đường; Hoạt động giáo dục gắn liền với thực tế của các trường tiểu học; Tổ chức được nhiều CLB trong trường học; Tăng cường nhiều hoạt động trải nghiệm trong nhà trường: Sân khấu hoá trong tiết sinh

hoạt dưới cờ, hoạt động ngoài giờ lên lớp, “Em làm hướng dẫn viên du lịch”; Hội chợ chia sẻ đồ dùng đồ chơi ở trường; Các hoạt động trải nghiệm về công tác hướng nghiệp trong tương lai tại khu vui chơi; Tổ chức các hoạt động dạy học liên môn; Nhà vệ sinh thân thiện; Nhà nông tí hon; Nói không với rác thải nhựa; CLB sáng tạo;... Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật trong trường học, thực hiện giảng dạy, giáo dục an toàn giao thông (ATGT) theo hướng dẫn của Bộ, Sở, Phòng GDĐT, đưa nội dung giáo dục pháp luật về bảo đảm trật tự, ATGT và văn hóa giao thông vào trong chương trình chính khóa dưới hình thức tích hợp vào nội dung một số môn học và hoạt động giáo dục. Thực hiện nội dung GDĐP, tích hợp vào dạy học các môn học, hoạt động trải nghiệm theo hướng dẫn tại Công văn số 3536/BGDĐT-GDTH ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Bộ GDĐT.

Các hoạt động trải nghiệm sẽ được tổ chức theo Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định về Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động ngoài giờ chính khóa.

Thực hiện các giải pháp tăng cường tổ chức các hoạt động giáo dục STEM, STEAM tiếp cận công nghệ số nhằm góp phần phát triển các năng lực đặc thù Tin học, Khoa học, Công nghệ cho HS đồng thời tạo cơ hội cho HS lớp 1, lớp 2 được tiếp cận giáo dục tin học

Xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện đến tất cả CBQL, GV trong đơn vị bảo đảm chất lượng và yêu cầu theo quy định, tổ chức chuyên đề, đánh giá, sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm.

#### ***\*Nội dung hoạt động STEM***

Trong học kỳ I năm học 2024 - 2025, trường tổ chức được **ít nhất 01 chủ đề bài học STEM** có sự tham gia học tập, chia sẻ của các trường trong huyện làm nền tảng cho việc tổ chức các hoạt động giáo dục STEM phong phú, hiệu quả; sau khi phòng học STEM của trường được trang bị hoàn thành, nghiệm thu, đưa vào sử dụng sẽ tổ chức tập huấn cho CBQL, GV, NV cách sử dụng, vận hành phòng học STEM đạt hiệu quả.

Tăng cường công tác tuyên truyền đến cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên về tầm quan trọng của việc dạy học STEM trong triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Tăng cường sinh hoạt chuyên môn theo Công văn số 648/SGDĐT-GDTH ngày 09 tháng 6 năm 2020 của Sở GDĐT về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn cấp Tiểu học kể từ năm học 2020 - 2021 nhằm nghiên cứu, đánh giá, phân tích rút kinh nghiệm trên cơ sở nghiên cứu tài liệu, các bài học STEM. Từ đó, cán bộ quản lý, giáo viên thật sự hiểu, am tường và thực hiện các bài học STEM phù hợp, đạt hiệu quả. Kịp thời phát hiện những những khó khăn trong quá trình thực hiện giáo

dục STEM và chủ động đề xuất những biện pháp giải quyết khó khăn với các cấp quản lí.

**7. Dạy học sinh khuyết tật:** Xây dựng, triển khai thực hiện Kế hoạch giáo dục người khuyết tật trong nhà trường. Bảo đảm các điều kiện để trẻ em khuyết tật được tiếp cận với giáo dục, tăng cường giáo dục hòa nhập; Tăng cường tuyên truyền trong đội ngũ CBQL, GV về vấn đề giáo dục hòa nhập, trong đó HS học hòa nhập được học tập và đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân; Tùy theo dạng tật, mức độ khuyết tật mà HS được miễn một phần, một số nội dung, một số môn học với mục tiêu giúp HS khuyết tật được tương tác cùng bạn bè, các em hòa nhập và yêu cuộc sống. Tham mưu với các cấp có thẩm quyền để thực hiện đầy đủ các chính sách đối với GV trực tiếp giảng dạy HS khuyết tật theo phương thức giáo dục hòa nhập và đối với các CSGD có HS khuyết tật học hòa nhập. Tham mưu với UBND cấp xã chỉ đạo cơ sở Y tế phối hợp các trường học tổ chức khám sàng lọc và xác định dạng tật cho HS khuyết tật học hòa nhập để có biện pháp giáo dục hợp lí.

#### **8. Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương, địa phương em theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018**

a) Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 Tổ chức thực hiện hiệu quả nội dung GDĐP theo hướng dẫn của Bộ GDĐT. Nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung giáo dục của địa phương, tích hợp, lồng ghép trong kế hoạch giáo dục nhà trường theo hướng dẫn của Bộ GDĐT với hình thức linh hoạt, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của nhà trường, địa phương, đảm bảo mục tiêu và chất lượng giáo dục. Khi xây dựng kế hoạch, cần chú ý lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục của địa phương vào chương trình các môn học, hoạt động trải nghiệm để phù hợp với đặc điểm tâm lí, trình độ phát triển nhận thức của HS theo từng khối lớp đảm bảo mục tiêu, yêu cầu cần đạt của các môn học, hoạt động giáo dục theo quy định, không gây áp lực, quá tải cho HS khi thực hiện.

b) Thực hiện dạy học nội dung giáo dục “Địa phương em” và tổ chức dạy học giáo dục địa phương theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018

- Thực hiện mạch nội dung giáo dục “Địa phương em” tích hợp vào tài liệu GDĐP lớp 4 tập trung xây dựng một số chủ đề nhất định (có thể là 2 hoặc 3 chủ đề) đáp ứng yêu cầu cần đạt của hai mạch kiến thức (gồm Thiên nhiên và con người địa phương; Lịch sử và văn hóa truyền thống địa phương) theo quy định của Chương trình GDT 2018 đối với môn Lịch sử và Địa lí.

- Việc tổ chức dạy học mạch nội dung giáo dục “Địa phương em” cần được thực hiện trước khi tổ chức dạy học các nội dung khác của mạch nội dung “Địa phương và các vùng miền của Việt Nam” nhằm đảm bảo nguyên tắc xây dựng



chương trình của môn học và được tổ chức đánh giá HS như các mạch nội dung khác trong Chương trình GDPT 2018 đối với môn Lịch sử và Địa lí.

- Tổ chức giảng dạy nội dung “Địa phương em” của tài liệu GDĐP kết hợp với định hướng tổ chức dạy học trong chủ đề “Địa phương em” của SGK môn Lịch sử và Địa lí theo hướng dẫn của cấp trên.

### **9. Tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục, đào tạo và giáo dục kỹ năng công dân số**

a) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

Chủ động xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện “Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong nhà trường. Tăng cường đầu tư CSVC, thiết bị dạy học, tập huấn sử dụng cho đội ngũ GV. Chuẩn bị sẵn sàng đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học trong điều kiện thiên tai, dịch bệnh không thể tổ chức dạy học trực tiếp.

Chủ động chuẩn bị các điều kiện thực hiện thí điểm một số nội dung chuyển đổi số (Học bạ điện tử, Thư viện số, Quản lý hồ sơ chuyên môn trên môi trường số) theo kế hoạch của Bộ GDĐT. Tăng cường đầu tư CSVC, hạ tầng CNTT; Bồi dưỡng đội ngũ về kỹ năng CNTT sẵn sàng triển khai thực hiện các nội dung cụ thể về chuyển đổi số theo kế hoạch.

Khai thác sử dụng hiệu quả dữ liệu cơ sở dữ liệu ngành phục vụ công tác điều hành, quản lý. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quản lý kế hoạch giáo dục nhà trường, đội ngũ CBQL, GV, NV. Từng bước thực hiện số hóa hồ sơ quản lý bảo đảm tinh gọn và hiệu quả.

b) Thực hiện đưa nội dung giáo dục kỹ năng công dân số vào giảng dạy trong nhà trường, tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số thông qua tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục; Tăng cường tổ chức dạy học Tin học - giáo dục kỹ năng công dân số cho HS.

c) Thực hiện Học bạ số theo hướng dẫn cấp trên; xây dựng, ban hành Quy chế sử dụng và quản lý Học bạ số tại đơn vị; quản lý sử dụng Học bạ số theo thẩm quyền quy định.

### **10. Đổi mới công tác quản lý và phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục. Tổ chức bồi dưỡng có hiệu quả cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục về thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, đặc biệt đối với đội ngũ giáo viên dạy lớp 5 năm học 2024 - 2025**

a) Đổi mới công tác quản lý

Tiếp tục đổi mới công tác quản lý, thực hiện đúng các quy định về quản lý tài chính trong nhà trường; tăng cường kiểm tra công tác thu đầu năm học; thực hiện quyền tự chủ tại cơ sở; Thực hiện công khai theo Hướng dẫn số 1286/SGDĐT-QLCL ngày 12 tháng 8 năm 2024 của Sở GDĐT Đồng Tháp V/v hướng dẫn thực

hiện công khai trong hoạt động của cơ sở giáo dục; Thực hiện đúng theo công văn số 1396/SGDDĐT-KHTC ngày 26 tháng 8 năm 2024 Về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu trong cơ sở giáo dục công lập năm học 2024-2025.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lí, giảm áp lực hồ sơ, sổ sách trong nhà trường; thực hiện tốt các phần mềm trong quản lí.

Từng bước hoàn thiện cơ chế quản trị giáo dục trong nhà trường để đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục; chuyển từ “quản lí” sang “quản trị” để cải tiến, nâng cao hiệu lực, hiệu quả.

b) Tiếp tục tổ chức sinh hoạt chuyên môn bồi dưỡng có hiệu quả cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lí giáo dục về thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, đặc biệt đối với đội ngũ giáo viên dạy lớp 5.

### **11. Duy trì hiệu quả phổ cập giáo dục tiểu học, công tác kiểm định chất lượng giáo dục, thực hiện công nghệ thông tin và truyền thông.**

- Thực hiện huy động học sinh ra lớp 100%, trẻ 6 tuổi trong địa bàn ra lớp 100%.

- Duy trì sĩ số học sinh 100%, không để học sinh bỏ học, kịp thời hỗ trợ những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, có nguy cơ phải nghỉ học.

- Duy trì tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học, chương trình lớp Năm 100%.

- Học sinh tham gia BHYT 100%.

- Thực hiện tốt công tác kiểm định chất lượng theo quy định, rà soát bổ sung cơ sở vật chất, duy trì nâng cao chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

- Thực hiện tốt công tác quản lí, dạy học thông qua các phần mềm và ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện tốt công tác truyền thông trong nhà trường và với phụ huynh học sinh. Tăng cường công tác bồi dưỡng và tự bồi dưỡng trình độ tin học cho CBQL, giáo viên, nhân viên trong nhà trường.

## **VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học**

- Tham mưu với lãnh đạo cấp trên trang bị CSVC cho phòng học STEM theo Danh mục đã được SGDDĐT phê duyệt để bảo đảm thực hiện hiệu quả giáo dục STEM/STEAM, phù hợp với điều kiện của nhà trường theo quy định; thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của CBQL, GV, HS, CMHS về vai trò của giáo dục STEM/STEAM; tăng cường giáo dục Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật, Toán học (STEM) tích hợp một số môn học/hoạt động giáo dục có trong chương trình vào STEM giúp mở rộng, nâng cao hiệu quả của giáo dục thực hành và hợp tác theo nhiều cách khác nhau, thúc đẩy tính sáng tạo, trí tò mò và sự thấu cảm của HS. Trong quá trình triển khai thực hiện tại địa phương tăng cường sử dụng nguồn học liệu tại địa chỉ website <https://stemtieuhoc.edu.vn>

- Trang bị thêm cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết theo khả năng tài chính của đơn vị. Tham mưu với cấp trên cấp thêm các đồ dung dạy học tối thiểu phục vụ cho công tác dạy và học ở các khối lớp, nhất là lớp 3, lớp 4 và lớp 5. Sử dụng hiệu quả CSVN, thiết bị trong tổ chức các hoạt động giáo dục, kiên quyết không để tình trạng **“thiết bị đến trường mà không ra lớp”**.

- Sửa chữa các hạn mục xuống cấp, trang bị đầy đủ các điều kiện đèn, quạt, rèm che nắng,... cho học sinh có điều kiện học tập tốt nhất.

- Huy động xã hội hoá từ phía cha mẹ học sinh để tổ chức tốt việc ăn, ngủ, nghỉ của học sinh tại trường, thực hiện tăng cường cơ sở vật chất cho các lớp bán trú.

- Tạo cảnh quan môi trường xung quanh xanh, sạch, đẹp để các em cảm thấy Mỗi ngày đến trường là một ngày vui.

## **2. Thực hiện công tác đội ngũ**

- Đẩy mạnh tự bồi dưỡng, nâng cao nhận thức, năng lực cho đội ngũ CBQL và GV về nội dung liên quan đến CTGDPT 2018. Tạo điều kiện cho giáo viên, nhân viên tham gia học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- Thực hiện đánh giá Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng theo Thông tư số 14 của Bộ Giáo dục; đánh giá giáo viên theo Thông tư số 20 của Bộ Giáo dục.

- Thực hiện hiệu quả các biện pháp nâng cao chất lượng dạy và học qua việc sinh hoạt chuyên môn tại tổ, trường, cụm; phát huy đội ngũ giáo viên dạy giỏi của trường.

- Thực hiện tốt các quy định về đạo đức nhà giáo, coi trọng việc rèn luyện phẩm chất, lương tâm nghề nghiệp; ngăn ngừa và đấu tranh kiên quyết với các biểu hiện vi phạm pháp luật và đạo đức nhà giáo.

- Tham mưu kịp thời với cấp trên để đảm bảo đủ số lượng giáo viên, nhân viên theo qui định, thực hiện tốt công tác tổ chức. Quan tâm chăm lo đời sống giáo viên, nhân viên và người lao động để họ an tâm công tác, cống hiến hết mình cho nhà trường.

Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả CTGDPT 2018, đặc biệt đối với lớp 5.

Thực hiện tốt quy chế dân chủ, nâng cao vai trò, trách nhiệm, lương tâm, đạo đức nhà giáo; mỗi thầy giáo, cô giáo phải thực sự là tấm gương sáng cho các em học sinh noi theo. Kiên quyết “nói không với tiêu cực và bệnh thành tích trong giáo dục”.

## **3. Thực hiện tốt các nội dung chuyên môn**

- Các tổ chuyên môn tiến hành xây dựng kế hoạch dạy học các môn học, thực hiện sinh hoạt chuyên môn đúng theo qui định. Phát huy tối đa lực lượng giáo

viên trong tổ. Tổ chức chuyên đề, thao giảng tổ, dự giờ thăm lớp đồng nghiệp để cùng học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau.

- Tăng cường các hoạt động thực hành, hoạt động trải nghiệm, rèn kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, phù hợp. Chú trọng giáo dục đạo đức lối sống, giá trị sống, kỹ năng sống, hiểu biết xã hội cho học sinh, trong đó cần phối hợp chặt chẽ với các tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh để giáo dục học sinh hiệu quả, thiết thực.

- Thực hiện đánh giá học sinh theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 09 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định đánh giá học sinh tiêu học.

#### **4. Công tác truyền thông, tuyên truyền tham mưu, xã hội hoá giáo dục**

- Tiếp tục đẩy mạnh truyền thông các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo về đổi mới giáo dục, về Chương trình GDPT 2018 qua nhiều kênh thông tin.

- Làm tốt các cuộc họp phụ huynh học sinh, tuyên truyền những hoạt động, kết quả giáo dục của trường để phụ huynh học sinh hiểu và chia sẻ, đồng thuận với nhà trường; phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể địa phương, chủ động cung cấp thông tin để định hướng dư luận, tạo niềm tin của nhân dân.

- Khuyến khích cán bộ giáo viên chủ động viết và đưa tin, bài về các hoạt động của ngành, các gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến của cấp học.

- Tăng cường công tác phổ biến và hướng dẫn cán bộ giáo viên thường xuyên cập nhật và thực hiện nghiêm túc các văn bản quy phạm pháp luật.

- Chú trọng và làm tốt công tác tham mưu, đề xuất với cấp ủy, chính quyền xã; phối hợp chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể làm tốt công tác xã hội hóa trang bị cơ sở vật chất và hỗ trợ học sinh; Làm tốt việc phối hợp giữa gia đình - nhà trường - xã hội trong quản lý và giáo dục học sinh theo Quy chế phối hợp 3 môi trường giáo dục của tỉnh.

- Phối hợp xây dựng kế hoạch hoạt động của Ban đại diện Cha mẹ học sinh trường lớp sao cho tăng cường được sự tham gia của họ vào các hoạt động giáo dục nhà trường.

## **VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Phân công cụ thể**

#### *1.1. Hiệu trưởng*

Xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục nhà trường và tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch; chịu trách nhiệm chung về các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Tổ chức thực hiện tốt công tác truyền thông Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; tham mưu cấp trên về xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng dạy học.

Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ.

Chủ trì xây dựng các tiêu chí thi đua trong nhà trường.

Ban hành quyết định thành lập tổ chuyên môn; quyết định bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn.

Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học và hoạt động giáo dục.

Chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 của giáo viên.

Tham gia sinh hoạt chuyên môn ở tổ để tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho giáo viên.

### *1.2. Phó Hiệu trưởng*

Xây dựng thời khóa biểu phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, đảm bảo dạy không quá 7 tiết/ngày; 10 buổi /tuần.

Quản lý, chỉ đạo các hoạt động chuyên môn; công tác thư viện, thiết bị; quản lý các phần mềm liên quan đến hoạt động chuyên môn.

Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; hoạt động trải nghiệm; kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh chậm tiến bộ và các hoạt động khác có liên quan đến các hoạt động giáo dục.

Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học. Tổ chức các chuyên đề, hội thảo cấp trường về dạy học lớp 5 theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

Tham gia sinh hoạt chuyên môn ở tổ để tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho giáo viên.

### *1.3. Tổ trưởng chuyên môn*

Xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động chuyên môn của tổ.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo chuyên đề và theo nghiên cứu bài học; đổi mới phương pháp dạy học và lựa chọn nội dung dạy học; những vấn đề vướn mắc trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 đối với lớp 4.

Dự giờ, góp ý, rút kinh nghiệm tiết dạy cho giáo viên; bồi dưỡng giáo viên trong tổ.

Tổng hợp báo cáo chất lượng giáo dục của tổ.

Tham gia tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm và các hoạt động giáo dục khác.

#### *1.4. Tổng phụ trách đội*

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh ở nhà trường góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện học sinh.

Tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm.

#### *1.5. Giáo viên chủ nhiệm và phụ trách môn học*

Thực hiện tốt công tác và giảng dạy, giáo dục đảm bảo chất lượng theo chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học; soạn bài, lên lớp, kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh.

Quản lý học sinh trong các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức; tham gia các hoạt động chuyên môn.

Chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả giảng dạy và giáo dục.

Trau dồi đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; gương mẫu trước học sinh, thương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng nhân cách của học sinh; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của học sinh; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp.

Học tập, rèn luyện để nâng cao sức khỏe, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy. Tham gia công tác phổ cập giáo dục tiểu học ở địa phương.

Thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và của ngành, các quyết định của Hiệu trưởng; nhận nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công, chịu sự kiểm tra, đánh giá của Hiệu trưởng và các cấp quản lý giáo dục.

Phối hợp với Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, gia đình học sinh và các tổ chức xã hội liên quan để tổ chức hoạt động giáo dục.

#### *1.6. Nhân viên*

Xây dựng kế hoạch theo bộ phận mình phụ trách.

Thực hiện các nhiệm vụ do lãnh đạo phân công, tham mưu kịp thời các hoạt động liên quan đến lĩnh vực phụ trách.

Phối hợp tốt với giáo viên trong tất cả các hoạt động giáo dục của nhà trường.

## **2. Công tác kiểm tra, giám sát**

- Hiệu trưởng lập kế hoạch kiểm tra nhằm theo dõi, đánh giá, giúp đỡ các bộ phận, cá nhân việc thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường, thực hiện công tác kiểm tra thường xuyên và đột xuất trong nhà trường.

- Phó Hiệu trưởng thực hiện công tác kiểm tra theo kế hoạch của Hiệu trưởng và kế hoạch kiểm tra chất lượng dạy – học.

- Tổ trưởng kiểm tra việc thực hiện đánh giá học sinh, đổi mới phương pháp trong phạm vi tổ nhằm kịp thời giúp đỡ, hỗ trợ giáo viên trong dạy học.

### **3. Chế độ thông tin, báo cáo**

- Nhà trường đảm bảo tốt chế độ thông tin cho giáo viên về mọi chủ trương, kế hoạch hoạt động, các vấn đề liên quan đến chế độ và chuyên môn của giáo viên thông qua bản tin, báo cáo tháng, website của trường.

- Các bộ phận báo cáo từng hoạt động, tháng và định kỳ nhằm đánh giá cụ thể việc thực hiện kế hoạch.

- Thực hiện báo cáo định kỳ theo yêu cầu của Phòng Giáo dục và các phân mềm quản lí.

Trên đây là kế hoạch Giáo dục nhà trường năm học 2024 – 2025 của Trường Tiểu học Nha Môn 2./.

#### ***Nơi nhận:***

- Phòng GDĐT;
- Các Phó HT;
- Tất cả GV, NV;
- Lưu.

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Trần Thanh Trúc**

### Phụ lục 1.1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

| TT  | Hoạt động giáo dục      | Số tiết lớp 1 |            |            | Số tiết lớp 2 |            |            | Số tiết lớp 3 |            |            | Số tiết lớp 4 |            |            | Số tiết lớp 5 |            |            |
|---|-------------------------|---------------|------------|------------|---------------|------------|------------|---------------|------------|------------|---------------|------------|------------|---------------|------------|------------|
|   |                         | Tổng          | HK1        | HK2        | Tổng          | HK1        | HK2        | Tổng          | HK1        | HK2        | Tổng          | HK1        | HK2        | Tổng          | HK1        | HK2        |
| <b>1. Môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc</b>   |                         |               |            |            |               |            |            |               |            |            |               |            |            |               |            |            |
| 1   | Tiếng Việt              | 420           | 216        | 204        | 350           | 180        | 170        | 245           | 126        | 119        | 245           | 126        | 119        | 245           | 126        | 119        |
| 2   | Toán                    | 105           | 54         | 51         | 175           | 90         | 85         | 175           | 90         | 85         | 175           | 90         | 85         | 175           | 90         | 85         |
| 3   | Đạo đức                 | 35            | 18         | 17         | 35            | 18         | 17         | 35            | 18         | 17         | 35            | 18         | 17         | 35            | 18         | 17         |
| 4   | Tự nhiên và xã hội      | 70            | 36         | 34         | 70            | 36         | 34         | 70            | 36         | 34         |               |            |            |               |            |            |
| 5   | Khoa học                |               |            |            |               |            |            |               |            |            | 70            | 36         | 34         | 70            | 36         | 34         |
| 6   | Lịch sử và Địa lí       |               |            |            |               |            |            |               |            |            | 70            | 36         | 34         | 70            | 36         | 34         |
| 7   | Âm nhạc                 | 35            | 18         | 17         | 35            | 18         | 17         | 35            | 18         | 17         | 35            | 18         | 17         | 35            | 18         | 17         |
| 8   | Mĩ thuật                | 35            | 18         | 17         | 35            | 18         | 17         | 35            | 18         | 17         | 35            | 18         | 17         | 35            | 18         | 17         |
| 9   | GDTC                    | 70            | 36         | 34         | 70            | 36         | 34         | 70            | 36         | 34         | 70            | 36         | 34         | 70            | 36         | 34         |
| 10  | Tin học và Công nghệ    |               |            |            |               |            |            | 70            | 36         | 34         | 70            | 36         | 34         | 70            | 36         | 34         |
| 11  | Hoạt động trải nghiệm   | 105           | 54         | 51         | 105           | 54         | 51         | 105           | 54         | 51         | 105           | 54         | 51         | 105           | 54         | 51         |
| 12  | Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh) |               |            |            |               |            |            | 140           | 72         | 68         | 140           | 72         | 68         | 140           | 72         | 68         |
| <b>2. Các môn học tự chọn</b>   |                         |               |            |            |               |            |            |               |            |            |               |            |            |               |            |            |
| 1   | Tiếng Anh               | 70            | 36         | 34         | 70            | 36         | 34         |               |            |            |               |            |            |               |            |            |
| 2   | Tin học                 |               |            |            |               |            |            |               |            |            |               |            |            |               |            |            |
| <b>3. Hoạt động củng cố, tăng cường (Số tiết tăng cường buổi học thứ 2 của mỗi môn học và HĐGD với hình thức linh hoạt)</b> |                         |               |            |            |               |            |            |               |            |            |               |            |            |               |            |            |
| 1   | Tăng cường Tiếng Việt   | 210           | 108        | 102        | 175           | 90         | 85         | 175           | 90         | 85         | 105           | 54         | 51         | 105           | 54         | 51         |
| 2   | Tăng cường Toán         | 70            | 36         | 34         | 105           | 54         | 51         | 70            | 36         | 34         | 70            | 36         | 34         | 70            | 36         | 34         |
| 3   | Kỹ năng sống            | 35            | 18         | 17         | 35            | 18         | 17         | 35            | 18         | 17         | 35            | 18         | 17         | 35            | 18         | 17         |
| <b>TỔNG</b>   |                         | <b>1260</b>   | <b>648</b> | <b>612</b> | <b>1260</b>   | <b>648</b> | <b>612</b> | <b>1260</b>   | <b>648</b> | <b>612</b> | <b>1260</b>   | <b>648</b> | <b>612</b> | <b>1260</b>   | <b>648</b> | <b>612</b> |



**Phụ lục1.3. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường**

| <b>TT</b> | <b>Nội dung</b>     | <b>Hoạt động</b>  | <b>Đối tượng/quy mô</b> | <b>Thời gian</b> | <b>Địa điểm</b>         | <b>Ghi chú</b> |
|-----------|---------------------|---|-------------------------|------------------|-------------------------|----------------|
| 1         | HĐGD trước giờ ăn   | Tổ chức cho HS thực hành rửa tay bằng xà phòng đúng cách, thay quần áo,...                                    | HS ở bán trú            | 10h30'-10h45'    | Các lớp có HS ở bán trú | BT             |
| 2         | HĐGD trong giờ ăn   | Tổ chức cho HS thực hành lau bàn ghế, bát đũa, chuẩn bị các phần ăn,...                                       | HS ở bán trú            | 10h45'-11h       | Nhà ăn bán trú          | BT             |
| 3         | HĐGD trong giờ ăn   | Tổ chức cho học sinh ăn trưa  | HS ở bán trú            | 11h-11h30'       | Nhà ăn bán trú          | BT             |
| 4         | HĐGD sau giờ ăn     | Tổ chức cho HS thực hành sắp xếp bàn ghế ngay ngắn; để bát, đĩa ăn đúng nơi quy định, vệ sinh răng miệng, ... | HS ở bán trú            | 11h30'-11h40'    | Nhà ăn bán trú          | BT             |
| 5         | HĐGD trước giờ nghỉ | Tổ chức cho HS tự chuẩn bị chăn, màn, gối,... để nghỉ   | HS ở bán trú            | 11h40'-11h45'    | Các lớp có HS ở bán trú | BT             |
|           | HĐGD trong giờ nghỉ | Học sinh ngủ trưa - Tập cho HS thói quen ngủ đúng giờ, không làm ồn khi các bạn nghỉ trưa,...                 | HS ở bán trú            | 11h45' – 13h15'  | Các lớp có HS ở bán trú | BT             |
|           | HĐGD sau giờ nghỉ   | Tổ chức cho HS thực   | HS ở bán trú            | 13h15'-13h30'    | Các lớp có              | BT             |

|   |                   |   |                         |   |                                  |     |
|---|-------------------|---|-------------------------|---|----------------------------------|-----|
|   |                   | hành việc xếp chân chiếu, gói màn sau khi ngủ dậy, cách đánh răng, rửa mặt, tắm rửa, cách xếp quần áo...  |                         |   | HS ở bán trú                     |     |
|   | HDGD kỹ năng sống | Tổ chức cho học sinh học kỹ năng sống của công ty GAIA  | Từng lớp và Toàn trường | Buổi chiều, ngoài giờ học chính khóa và ngoài các tiết học buổi 2 (13h30-14h5)  | Sân trường, vườn trường, lớp học | SGH |
| 8 | CLB sở thích      | Tổ chức cho học sinh xem phim về khoa học tự nhiên có đặt ra các tình huống các câu hỏi để kích thích sự sáng tạo của học sinh.<br>Tổ chức thi trang trí góc học tập của mình qua câu lạc bộ mỹ thuật, hướng dẫn các em thực hành theo nhóm, thảo luận nhóm (rất quan trọng trong việc bổ trợ phương pháp dạy học các môn học chính thức);... | Từng lớp và Toàn trường | Buổi chiều, ngoài giờ học chính khóa và ngoài các tiết học buổi 2 (13h30-16h30) | Lớp học, sân trường              | SGH |
| 9 | Vui chơi tự do    | Hướng dẫn chơi cờ vua   | Từng lớp và Toàn trường | Buổi chiều,   | Phòng chức                       | SGH |

|  |  |  |        |   |                  |  |
|--|--|--|--------|---|------------------|--|
|  |  | <p>và các trò chơi dân gian khác hoặc chơi ô ăn quan, nhảy dây cho từng nhóm,...</p> <p>Tổ chức các hoạt động rèn luyện năng lực đặc thù: chơi ghi nhớ nhanh bằng cách cho xem một hình ảnh, một đoạn phim trong thời gian nhất định rồi đặt ra các câu hỏi nhằm rèn luyện năng lực quan sát của các em.</p> | trường | ngoài giờ học chính khóa và ngoài các tiết học buổi 2 (13h30-16h30) | năng, sân trường |  |
|--|--|--|--------|---|------------------|--|

*Ghi chú:* Căn cứ vào các điều kiện thực tế, nhà trường có thể lựa chọn các hoạt động: như: Hoạt động đọc sách tại thư viện, vui chơi tự do của HS trong khuôn viên nhà trường; Câu lạc bộ sở thích, năng khiếu tự nguyện; Tổ chức ăn, nghỉ; Tổ chức các hoạt động giáo dục trước/trong/sau thời gian học sinh ăn, nghỉ;... và ghi vào cột “Nội dung”.

